

The image shows the cover of an annual report. The left side features a green grass background with several overlapping circles in various shades of green and black, some with dotted borders. The right side has a dark green background with vertical bars of varying shades and a large central circle containing a white circle with the report title. The title is in bold, black, uppercase letters. The company name is at the bottom of both pages.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 277, đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội

Số điện thoại: 024 33816999

Fax: 024 35990555

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG 10

- 1. Thông tin khái quát của Công ty 12
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 15
- 3. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý 18
- 4. Giới thiệu Ban Lãnh đạo 24
- 5. Vị thế 30
- 6. Định hướng phát triển 32
- 7. Rủi ro 33

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019 36

- 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 38
- 2. Cơ cấu và chính sách nhân sự 39
- 3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn 42
- 4. Tình hình tài chính 42
- 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu 46

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC 48

- 1. Tổng quan về môi trường kinh doanh 2019 50
- 2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 52
- 3. Tình hình tài chính năm 2019 55
- 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai 57

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 60

- 1. Đánh giá chung về tình hình kinh tế, ngành 2019 62
- 2. Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 63
- 3. Đánh giá chung về hoạt động của Công ty 64
- 4. Phương hướng năm 2020 65

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ 66

- 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị 68
- 2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát 69
- 3. Giao dịch, thù lao của HĐQT, BGD và BKS 69
- 4. Về việc thực hiện các hoạt động quản trị Công ty 71

VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2019 72

- 1. Các chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường 74
- 2. Các chính sách liên quan đến người lao động 75

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2019 76

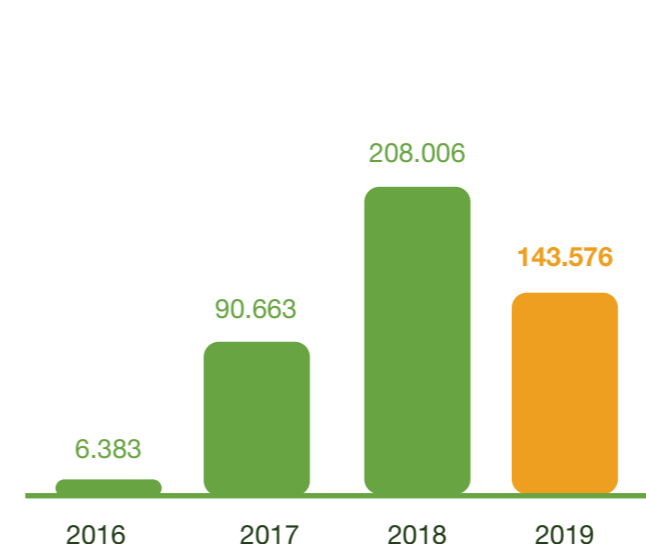
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu thuần	Triệu đồng	90.663	208.006	143.576
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	76.090	187.369	111.552
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.026	7.085	11.296
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.021	5.658	9.035
Bảng cân đối kế toán				
Tổng tài sản	Triệu đồng	113.008	157.832	173.971
Nợ phải trả	Triệu đồng	16.959	56.125	63.229
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	96.049	101.707	110.742
Chỉ tiêu khả năng sinh lời				
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (ROS)	%	8,85%	2,72%	6,29%
Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	7,10%	3,58%	5,19%
Hệ số LNST/Vốn Chủ sở hữu (ROE)	%	8,35%	5,56%	8,16%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018 và 2019)

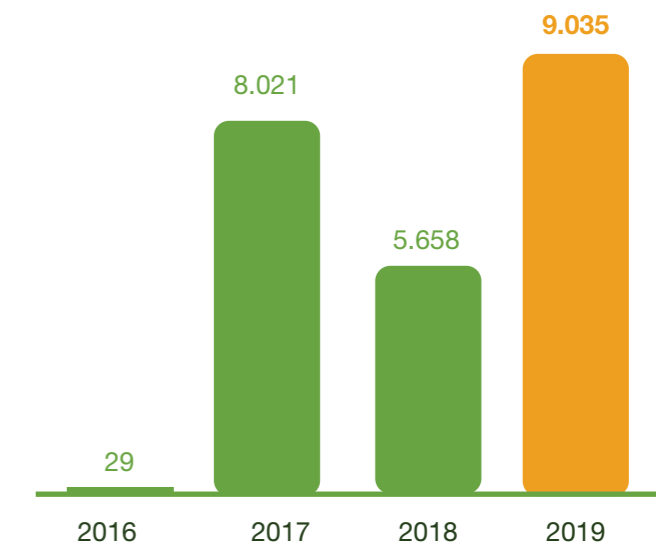
Tăng trưởng doanh thu 2016-2019

(Đơn vị tính: triệu đồng)



Lợi nhuận sau thuế 2016-2019

(Đơn vị tính: triệu đồng)



THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam, tôi xin gửi tới Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và toàn thể cán bộ công nhân viên lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Nhìn lại nền kinh tế thế giới năm 2019 với những biến động không thể tránh khỏi do căng thẳng thương mại giữa Mỹ-Trung và vấn đề địa chính trị, niềm tin kinh doanh cũng như các quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu đã bị ảnh hưởng đáng kể. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến mảng hoạt động xuất khẩu nông lâm sản, dược liệu của Công ty khiến Công ty tạm ngừng ký kết hợp đồng với một số đối tác cho đến khi thị trường xuất khẩu ổn định lại, đặc biệt là thị trường xuất khẩu hồ tiêu.

Tuy tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại trong năm 2019 nhưng Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối ổn định với những dấu hiệu khả quan. Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Đây cũng là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Đồng thời, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79% so với bình quân năm ngoái- mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm trở lại đây. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành dịch vụ thị trường.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, ngành sản xuất đồ uống với chỉ số sản xuất tăng 10,5% là một trong số những ngành có chỉ số sản xuất năm 2019 tăng cao so với năm trước, đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp. Theo tổ chức Vietnam Report, ngành được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh đến năm 2020 với mức tăng trung bình 10,9%/năm nhờ thu nhập của người được cải thiện và xu hướng tiêu dùng sản phẩm sạch, đồ uống có lợi cho sức khỏe sẽ chiếm lĩnh thị hiếu tiêu dùng. Ngành thực phẩm và đồ uống nhiều năm nay luôn là một trong những ngành kinh tế quan trọng và còn nhiều tiềm năng phát triển của Việt Nam.

Từ bối cảnh chung của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh và xuất khẩu của Công ty năm qua cũng gặp nhiều yếu tố thuận lợi cũng như khó khăn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, năm 2019 Công ty đã có những kết quả đáng ghi nhận: Doanh thu thuần đạt 143.575 triệu đồng, trong đó, mức lợi nhuận trước thuế và sau thuế tăng xấp xỉ 59,4% so với năm 2018, lần lượt đạt 11.296 và 9.035 triệu đồng.

Có thể nói, 2019 là năm đánh dấu sự dịch chuyển mạnh mẽ trong xu hướng tiêu dùng của thế giới nói chung và người Việt Nam nói riêng, khách hàng ngày càng thông minh và chi tiêu có chiến lược cho những thực phẩm tốt cho sức khỏe. Bắt đúng xu hướng này, VHE với dòng nước uống thuần thảo dược Wewell được chiết xuất hoàn toàn từ thảo dược thiên nhiên tốt cho sức khỏe hứa hẹn sẽ còn tiếp tục tăng trưởng khả quan trong dài hạn.

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam cam kết tiếp tục phát huy lợi thế, năng lực hiện có, tận dụng mọi thời cơ cùng với sự nỗ lực quyết tâm vươn lên vượt qua mọi thách thức, cùng chung tay xây dựng Công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ. Đồng thời đảm bảo quyền lợi cho Quý cổ đông, khách hàng, chăm sóc tốt đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân viên, người lao động và cam kết sử dụng hiệu quả tài nguyên, môi trường gắn với phát triển bền vững.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân đến Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành cùng Công ty. Xin gửi lời cảm ơn chân thành tới toàn thể người lao động vì nỗ lực hết mình cho thành quả của Công ty trong thời gian qua.

Xin chân thành cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng quản trị



BÙI TIẾN VINH

Chia sẻ

Chia sẻ để phát triển;

Tiên phong

Sáng tạo, ứng dụng các công nghệ và tri thức mới;

Chính trực

Liêm chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch;

Trách nhiệm

Cam kết và thực hiện cam kết với xã hội, cổ đông, khách hàng và người lao động trên nguyên tắc đồng lợi;

Tôn trọng

Tôn trọng và phối hợp: Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức;

Tuân thủ

Tuân thủ Luật pháp, Bộ Quy tắc ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.

SỨ MỆNH VÀ TẦM NHÌN

Mang giá trị hữu ích của thảo dược Việt Nam cho sức khỏe cộng đồng một cách tốt và tự nhiên nhất;

Trở thành biểu tượng niềm tin hàng đầu Việt Nam về các tiêu dùng sản phẩm nguồn gốc thảo dược phục vụ sức khỏe người tiêu dùng.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Trao đi lợi ích để nhận lại giá trị. Tất cả đều tốt hơn với Wewell; Trách nhiệm xã hội: Cam kết đóng góp cho việc phát triển cộng đồng.

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Phát triển theo mô hình Eco herbal. Đến năm 2025 hoàn thiện từ khâu Trồng nguyên liệu - Khai thác - Chế biến - Thành phẩm - Phân phối - Giải pháp môi trường.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

2020: Công ty xúc tiến đầu tư dây hệ thống chiết xuất nước thảo dược dạng lon với công suất 10.000 sản phẩm/giờ và hệ thống máy đóng túi 7.200 sản phẩm/giờ.

2023: Dự kiến đầu tư mở rộng nhà máy - dây hệ thống chiết xuất nước thảo dược dạng lon với công suất 32.000 lon/giờ.

2025: Tập trung và củng cố gia tăng giá trị cốt lõi, duy trì và tạo dựng vị thế doanh nghiệp trong lĩnh vực sản phẩm sạch, đồ uống sản xuất từ thảo dược. Phát triển thị phần trong nước về hoạt chất ngành dược, thực phẩm chức năng, thực phẩm có lợi cho sức khỏe có lợi cho sức khỏe.

01

THÔNG TIN CHUNG

- * Thông tin khái quát của Công ty
- * Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- * Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- * Giới thiệu Ban Lãnh đạo
- * Vị thế
- * Định hướng phát triển
- * Rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT CỦA CÔNG TY

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
Tên viết tắt	VINAHERBFOODS.,JSC
Tên tiếng Anh	Vietnam Herbs and Foods Joint Stock Company
Biểu tượng của Công ty	
Trụ sở	Số 277 đường Vạn Xuân, Xã Hạ Mỗ, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	02433816999
Fax	02435990555
Website	http://www.vinaherbfoods.com/
Mã cổ phiếu	VHE
Sàn giao dịch	HNX
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0107409148
Vốn điều lệ	88.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành	8.800.000 cổ phần
Người đại diện	Ông Bùi Tiến Vinh

2016

Quá trình hình thành và phát triển

VINAHERBFOODS., JSC là một doanh nghiệp được kế thừa từ truyền thống của gia đình kinh doanh trong lĩnh vực Dược liệu, Gia vị, Nông sản với bề dày nhiều năm kinh nghiệm và có chuyên môn trong lĩnh vực chế biến dược liệu cung cấp khắp cả nước.

Công ty thành lập và chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy đăng ký doanh nghiệp mã số 0107409148 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 04 năm 2016 với vốn điều lệ 20 tỷ đồng, trụ sở chính xã Hà Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2017

Công ty tập trung vào đầu tư công nghệ và xây dựng nhà máy sản xuất đồ uống thảo mộc. Trong giai đoạn này, doanh thu của công ty chủ yếu đến từ hoạt động xuất khẩu dược liệu.

2018

Quý IV/2018, Công ty đưa ra thị trường sản phẩm Nước uống thảo dược với 3 sản phẩm chính phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe nước uống thảo dược thổ phục linh; hương quế; đinh lăng. Ngày 23/08/2018, UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty.

Ngày 18/10/2018, VSD cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 87/2018/GCNCP-VSD cho Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam với mã chứng khoán VHE.

2019

Ngày 14/01/2019, Công ty đưa 8,8 triệu cổ phiếu, mệnh giá 10 nghìn đồng/cổ phiếu, vào giao dịch chính thức trên sàn niêm yết tại HNX. Tổng giá trị chứng khoán niêm yết lên tới 88 tỷ đồng. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 15 nghìn đồng/cổ phiếu.

Công ty tập trung phát triển thị trường đồ uống trong nước và xuất khẩu song song với việc duy trì và phát triển thị trường xuất khẩu nông lâm sản, dược liệu.

Sự kiện nổi bật trong năm



- Trong năm 2019, Công ty mở rộng các kênh phân phối, đầu tư mạnh cho công tác bán hàng. Điển hình, trong thời gian từ ngày 28/05-01/06/2019, VHE đã đưa sản phẩm Nước uống thảo dược Wewell chính thức tham dự Triển lãm quốc tế về Thực phẩm và Đồ uống hàng đầu châu Á Thaifex - World of food Asia 2019 - WOFA, diễn ra tại Trung tâm hội nghị và triển lãm quốc tế IMPACT, Bangkok, Thái Lan - Triển lãm uy tín và có quy mô lớn nhất khu vực châu Á. Sự kiện này sẽ giúp các doanh nghiệp quốc tế mở rộng hợp tác, kết nối kinh doanh. Những công nghệ sản xuất thực phẩm mới, những tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, các dịch vụ và doanh nghiệp liên quan, những trải nghiệm ẩm thực và đồ uống hấp dẫn sẽ được giới thiệu tại Thaifex.



- Wewell dự khai mạc Festival sản phẩm Nông nghiệp và làng nghề Hà Nội: Ngày 14/12/2019 Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam vinh dự là 1 trong 6 doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ KD tiêu biểu của Huyện được cử tham dự Festival Sản phẩm Nông nghiệp và làng nghề Hà Nội tại triển lãm giao dịch kinh tế thương mại số 489 Đường Hoàng Quốc Việt Cầu Giấy Hà Nội. Chương trình được khai mạc lần thứ nhất năm 2019. Sản phẩm WEWELL Nước uống thảo dược Thổ Phục Linh là một trong những sản phẩm tiêu biểu tuân thủ theo đúng các giá trị của sản phẩm OCOP. WEWELL tự hào là thương hiệu sản xuất sản phẩm đạt chuẩn OCOP của Huyện Đan Phượng.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Xuất khẩu nông lâm sản, dược liệu

Đây là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty từ khi thành lập được đến nay. Công ty xuất khẩu các nguyên liệu đã được sơ chế như hoa hồi, thảo quả, quế, hạt tiêu qua các thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Parkistan, Mianma.

- Công ty thu mua lâm sản nguyên liệu ngành dược như quế, hồi, thảo quả trực tiếp từ người dân tại các vùng nguyên liệu như: Yên Bái, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Lạng Sơn, Hà Giang. Sau khi thu gom về kho, hàng hóa sẽ được sơ chế và phân loại qua các khâu sau: Rửa nguyên liệu - Phơi khô - Phân loại, cắt, chẻ nguyên liệu - Đóng gói - Xuất khẩu qua các thị trường Hàn Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Parkistan, Mianma,...

- Đối với mặt hàng hồ tiêu: Công ty mua thương mại qua các Công ty Hoàng Gia Luân, Công ty Mỹ Lệ, Công ty Liên Thành, Công ty Gia vị Việt Nam, Công ty sẽ ký hợp đồng mua hàng hóa với các công ty và hàng hóa sẽ được xuất khẩu trực tiếp từ Kho nhà cung cấp theo đúng tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu.

Địa bàn kinh doanh

Chủ yếu là thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và xuất khẩu sang các thị trường như Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Parkistan, Mianma.

Sản xuất nước uống thảo dược

Năm 2018 công ty đã hoàn thành và đưa dây chuyền sản xuất nước uống thảo dược và hoạt động, sản xuất 3 loại sản phẩm: Nước uống thảo dược thổ phục linh, nước uống thảo dược đinh lăng, nước uống thảo dược hương quế. Lĩnh vực hoạt động này của công ty đã bắt đầu có doanh thu từ quý 3/2018.



Nguyên vật liệu đầu vào đạt tiêu chuẩn sản xuất được đưa vào hệ thống chiết xuất tinh chất. Qua đó, các tinh chất sẽ đến hệ thống trộn đồng nhất. Sau khi kết thúc quá trình trộn đồng nhất, bán thành phẩm sẽ được kiểm tra chất lượng; quá trình kiểm nghiệm đạt yêu cầu bán thành phẩm chuyển tiếp qua thiết bị đồng hóa và đi vào khâu chiết rót đóng chai. Khi quá trình đóng chai kết thúc, toàn bộ chai nước bán thành phẩm sẽ được tiệt trùng ở nhiệt độ 121 độ C. Sau đó, sản phẩm chạy qua dây chuyền dán nhãn và in hạn sử dụng. Bộ phận kiểm tra chất lượng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra. Cuối cùng, sản phẩm đạt chất lượng sẽ được đóng hộp và nhập kho thành phẩm.

CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH

HOA HỒI



QUẾ



THẢO QUẢ



HỒ TIÊU



NƯỚC UỐNG THẢO DƯỢC
THỔ PHỤC LINH



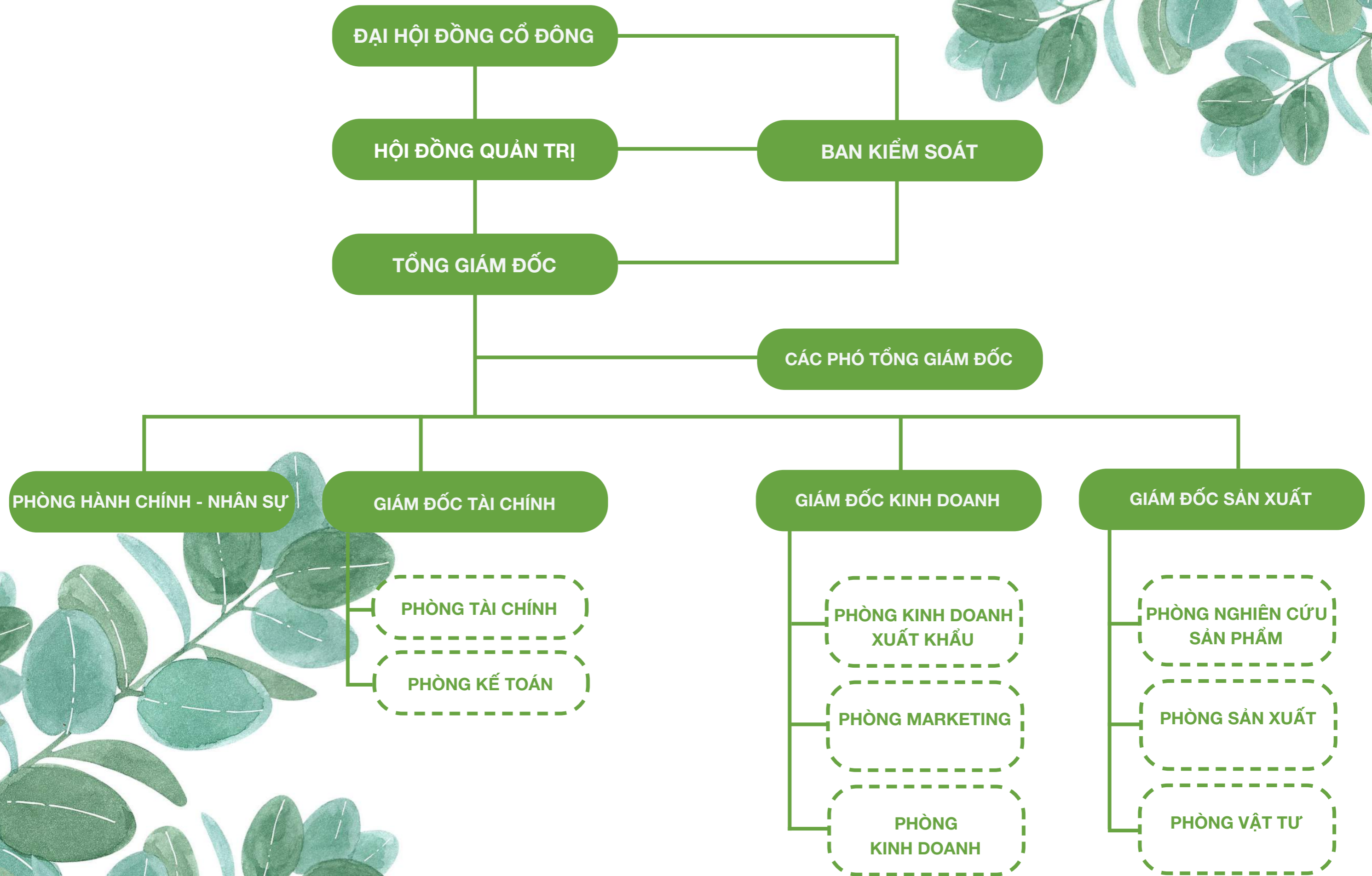
NƯỚC UỐNG THẢO DƯỢC
HƯƠNG QUẾ



NƯỚC UỐNG THẢO DƯỢC
ĐINH LĂNG



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Diễn giải bộ máy

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị:

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hoạt động kinh doanh và công việc khác của Công ty phải được quản lý hoặc chịu sự điều hành của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm có 3 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Ban giám đốc Công ty:

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc là người thay mặt Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Tổng giám đốc.

Phó Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền; đối với những vấn đề lớn, quan trọng phải kịp thời báo cáo, xin ý kiến Tổng giám đốc.

Giám đốc kinh doanh

Giám đốc kinh doanh là quản lý và điều phối toàn bộ nguồn nhân lực và hoạt động liên quan đến khách hàng và tiêu thụ sản phẩm theo nhiệm vụ và kế hoạch được giao; chịu trách nhiệm trước Ban Tổng giám đốc.

Giám đốc sản xuất

Giám đốc sản xuất là người chịu trách nhiệm cho hoạt động sản xuất diễn ra đúng kế hoạch, dựa trên năng lực sản xuất hiện tại của công ty và các đối tác trong chuỗi cung ứng, đáp ứng đúng yêu cầu về chất lượng sản phẩm. Quản lý tất cả các lao động trực tiếp, các phòng ban liên quan để thực hiện đúng theo yêu cầu sản xuất.

Giám đốc tài chính

Giám đốc tài chính là quản lý tài chính như nghiên cứu, phân tích và xử lý các mối quan hệ tài chính trong doanh nghiệp; xây dựng các kế hoạch tài chính; khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, cảnh báo các nguy cơ đối với doanh nghiệp thông qua phân tích tài chính và đưa ra những dự báo đáng tin cậy trong tương lai.

Các bộ phận chức năng

Phòng Hành chính – Nhân sự

Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty đảm bảo gọn nhẹ, năng động, hiệu quả, phù hợp với các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, quản trị hành chính, an toàn lao động, đối ngoại, pháp chế và các Tổ chức đoàn thể, hạ tầng.

Phòng Tài chính

Tham mưu cho HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc về hoạch định chiến lược tài chính ngắn hạn và dài hạn; hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn; tổng hợp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức triển khai các nghiệp vụ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán... quản lý vật tư và tài sản nhằm quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty để phát triển sản xuất kinh doanh.

Phòng Kế toán

Tham mưu cho HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc trong lĩnh vực quản lý và tổ chức hạch toán kế toán. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng các chuẩn mực và Luật kế toán hiện hành nhằm phản ánh kịp thời, chính xác, đầy đủ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và tình hình tài sản của công ty.

Phòng Kinh doanh

Đảm bảo đầu ra trong nước của Công ty, tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường trong nước cũng như thu hút khách hàng mới. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tính giá và lập hợp đồng với khách hàng nội.

Phòng Kinh doanh xuất khẩu

Đảm bảo đầu ra xuất khẩu của Công ty, tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường nước ngoài cũng như thu hút khách hàng mới. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tính giá và lập hợp đồng với khách hàng ngoại.

Phòng Marketing

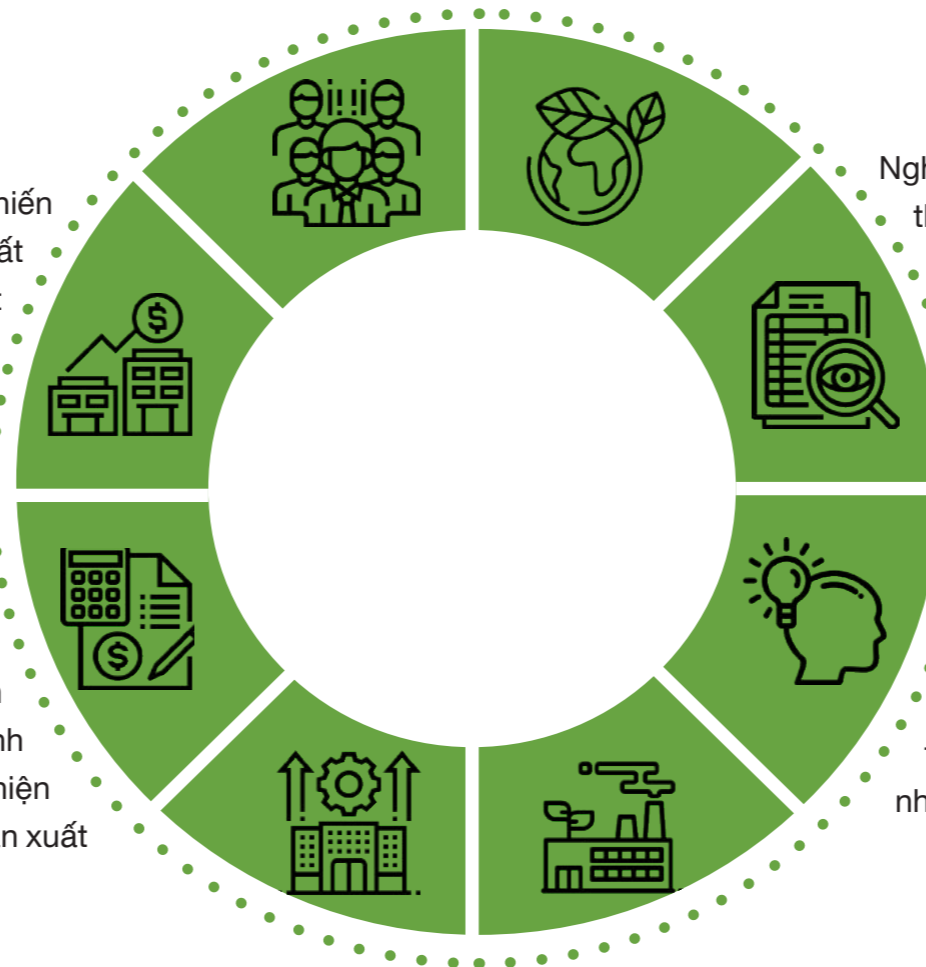
Nghiên cứu tiếp thị và thông tin nhu cầu của khách hàng, phân khúc thị trường, xác định mục tiêu, định vị thương hiệu các sản phẩm của Công ty. Phòng Nghiên cứu sản phẩm Tham mưu, tư vấn và chịu trách nhiệm trước HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc về các hoạt động nghiên cứu và phát triển các sản phẩm của Công ty theo đúng nhiệm vụ được giao.

Phòng Sản xuất

Xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tham mưu, đề xuất với Giám đốc chiến lược sản xuất, kinh doanh của Công ty. Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật; nắm bắt và tổng hợp nhu cầu vật tư, hàng hóa.

Phòng Vật tư

Cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường các chủng loại vật tư, nguyên liệu, hàng hóa cho các phòng ban liên quan. Mua sắm, cung cấp vật tư nguyên liệu, hàng hóa để sản xuất sản phẩm.



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Bùi Tiến Vinh - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	07/03/1977
Trình độ chuyên môn	Đại học
Số cổ phần sở hữu	1.500.000 cổ phần, tương ứng 17,05% vốn điều lệ
Quá trình công tác	- Từ tháng 4/2009 đến tháng 3/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Tiến Thành - Từ tháng 4/2016 đến nay: Phó Giám đốc - Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Tiến Thành. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc - Công ty Cổ Phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Bà Lê Thị Mai - Thành viên HĐQT

Năm sinh	20/02/1982
Trình độ chuyên môn	Đại học
Số cổ phần sở hữu	1.000.000 cổ phần, tương ứng 11,36% vốn điều lệ
Quá trình công tác	- Từ tháng 01/2005 đến tháng 12/2007: Nhân viên KD - Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam - Từ tháng 01/2008 đến tháng 12/2009: Giám đốc điều hành - Công ty TNHH Thương Mại Japonica - Từ tháng 01/2010 đến tháng 12/2015: Giám đốc - Công ty TNHH Thương Mại và SX Tuấn Minh - Từ tháng 01/2016 đến nay: Giám đốc - Công ty TNHH Thương Mại và SX Tuấn Minh; Phó Tổng Giám Đốc - Công ty Cổ Phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tuấn Minh.

Ông Phạm Công Thành - Thành viên HĐQT

Năm sinh	24/03/1979
Trình độ chuyên môn	Thạc Sĩ chuyên ngành tài chính kế toán Solvay Business School ULB
Số cổ phần sở hữu	250.000 cổ phần, tương ứng 2,84% VDL
Quá trình công tác	- Từ năm 2001 đến năm 2004: Phụ Trách Xuất Khẩu - Công ty gốm xây dựng Xuân Hòa Viglacera - Từ năm 2004 đến năm 2007: Phụ Trách Bộ Phận tài Chính - Công ty cổ phần gốm xây dựng Đại Thắng - Từ năm 2007 đến năm 2009: Phụ Trách phòng Kế Toán - Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Tiên Phong - Từ năm 2009 đến năm 2016: Trưởng bộ phận kế toán thanh toán - Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Vietnam - Từ năm 2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính - Công ty cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam - Từ năm 2017 đến nay: Cán bộ khối Ngân hàng toàn cầu - Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Vietnam + Partner - ANSE ACCOUNTING CORPORATION ở Hàn Quốc + Partner - Công ty kiểm toán châu á – ASA + Korean Partner: Công ty kiểm toán quốc tế Unistars + Partner - Công ty Luật Minh Bạch + Partner - Công ty TNHH ASIANPASS Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài + Partner - Công ty TNHH ASIANPASS Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng - Công ty cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác + Cán bộ khối Ngân hàng toàn cầu: Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Vietnam +Partner: ANSE ACCOUNTING CORPORATION (Công ty ở Hàn Quốc) +Partner: Công ty kiểm toán châu á – ASA +Korean Partner: Công ty kiểm toán quốc tế Unistars +Partner: Công ty Luật Minh Bạch + Chủ Tịch: Công ty TNHH ASIANPASS

Ông Nguyễn Thế Hùng - Thành viên HĐQT

Năm sinh	27/04/1985
Trình độ chuyên môn	Đại học
Số cổ phần sở hữu	250.000 cổ phần, tương ứng 2,84% VDL
Quá trình công tác	- Từ tháng 07/2009 đến tháng 03/2017: Cán bộ - Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đan Phượng (nay là văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội-chi nhánh huyện Đan Phượng) - Từ tháng 04/2017 đến nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ Phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam

Ông Nguyễn Đình Công - Thành viên HĐQT

Năm sinh	02/11/1988
Trình độ chuyên môn	
Số cổ phần sở hữu	3.000 cổ phần, tương ứng 0,034% VDL
Quá trình công tác	- Từ tháng 04/2019 đến nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ Phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty TNHH tiếp nhận quốc tế BP

Ông Nguyễn Tài Đức - Thành viên HĐQT

Năm sinh	10/05/1975
Trình độ chuyên môn	
Số cổ phần sở hữu	0 cổ phần
Quá trình công tác	- Từ tháng 04/2019 đến nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ Phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám Đốc Công ty cổ phần Nội thất Tân Gia

BAN KIỂM SOÁT

Bà Phạm Thị Xuân Thu - Trưởng BKS

Năm sinh	14/12/1981
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kế toán Kiểm toán, CPA Viet nam
Số cổ phần sở hữu	-
Quá trình công tác	- 2002-2006: Cán bộ phòng kế toán - Công ty thép Việt Ý - 2007-2016: Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư An phát Hà nội - Từ năm 2016 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư An phát Hà nội; Trưởng ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát

Bà Trần Thị Lệ Hằng - Thành viên BKS

Năm sinh	27/11/1983
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số cổ phần sở hữu	1.500 cổ phần, tương ứng 0,017% VDL
Quá trình công tác	- Từ tháng 01/2006 đến tháng 01/2008: Trưởng Phòng KD - Công ty TNHH Tân Hưng Phát - Từ tháng 02/2008 đến tháng 01/2012: Phó Phòng Kinh tế - Kế hoạch - Công ty Cổ Phần Gang thép Hà Tĩnh - Từ tháng 02/2012 đến năm 2016: Trợ lý Tổng giám đốc - Công ty TNHH Khoáng sản công nghiệp Fineton - Từ 2016 đến nay: Trợ lý Tổng giám đốc - Công ty TNHH Khoáng sản công nghiệp Fineton; Thành viên ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thành viên BKS

Năm sinh	25/10/1991
Trình độ chuyên môn	Đại học
Số lượng CP nắm giữ	1.000 cổ phần, tương ứng 0,0110% VDL
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- Từ tháng 06/2013 – tháng 04/2014: Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Đầu tư Tuấn Minh- Từ 05/2015 đến năm 2018: Kế toán trưởng - Công ty TNHH TM và SX Tuấn Minh- Từ năm 2018 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty TNHH TM và SX Tuấn Minh; Thành viên Ban kiểm soát- Công ty Cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng - Công ty TNHH TM và SX Tuấn Minh

BAN ĐIỀU HÀNH

Bùi Tiến Vinh - Tổng giám đốc

Lý lịch như trên

Lê Thị Mai - Phó Tổng giám đốc

Lý lịch như trên

Phạm Công Thành - Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng

Lý lịch như trên



VỊ THẾ

Điểm mạnh

- Hoạt động xuất khẩu thảo dược là bước đệm để Công ty lấn sang mảng sản xuất nước uống thuần thảo dược có lợi cho sức khỏe. Cuối năm 2017, Công ty đã mạnh dạn đầu tư dây chuyền sản xuất đồ uống thảo dược khép kín từ Tập đoàn Tofflon theo tiêu chuẩn châu Âu với công suất 4,000 sản phẩm/giờ, trên diện tích hơn 5,000m². Để tăng tính cạnh tranh và đảm bảo chất lượng sản phẩm, Công ty đưa vào hoạt động máy móc và trình độ công nghệ hiện đại: Công nghệ Hàn Quốc kết hợp với Viện Công Nghiệp Thực Phẩm Việt Nam.

- Công ty sử dụng các loại thảo dược mà Việt Nam có thể mạnh vượt trội cả về số lượng lẫn chất lượng như: thổ phục linh, dinh lăng, quế... Với nguồn nguyên liệu dồi dào phân bố khắp từ Trung Nam Bộ đến các tỉnh phía bắc nên nguồn cung cấp nguyên liệu là ổn định lâu dài. Bên cạnh đó, Công ty đang xúc tiến tự trồng nguyên liệu chủ động theo tiêu chuẩn organic để có thể bắt đầu khai thác và tự chủ nguyên liệu bền vững trong vòng 05 năm tới.

- Công ty đẩy mạnh đưa các sản phẩm Wewell vào phân phối tại những chuỗi siêu thị và cửa hàng tiện lợi hàng đầu như VinMart và AEON Wellness. Đồng thời phát triển kênh phân phối của mình khi mở rộng mạng lưới tại hệ thống kênh Key Account với các chuỗi nhà hàng, karaoke nổi tiếng như: I-Cool, Top One, 5 Sao,...

Điểm yếu

- Là một doanh nghiệp trẻ trên thị trường thức uống, Công ty cần tạo dựng được uy tín và chinh phục khách hàng hơn bằng việc nắm bắt tốt sự chuyển động các xu hướng lớn trong ngành, để có sự chuẩn bị tốt về sản phẩm và cách tiếp cận phù hợp.

Cơ hội

- Ngành công nghiệp thực phẩm Việt Nam được tổ chức Vietnam Report dự báo duy trì đà tăng trưởng mạnh đến năm 2020 với mức tăng trung bình 10.9%/năm và xu hướng tiêu dùng sản phẩm giá trị cao hơn sẽ chiếm lĩnh thị hiếu tiêu dùng.

- Người tiêu dùng hiện nay quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm có lợi cho sức khỏe, cộng với sự tăng lên của thu nhập, người tiêu dùng sẵn sàng chi trả mức chi tiêu cao hơn cho các sản phẩm thực phẩm – đồ uống có lợi cho sức khỏe và thân thiện với môi trường.

- Việt Nam được thiên nhiên ưu đãi với thảm thực vật phong phú, khí hậu thuận lợi cho những giống cây dược liệu quý, hương đi đầy táo bạo của VHE có thể tạo nên những bước tăng trưởng đột phá và giúp người tiêu dùng có thêm sự lựa chọn tốt hỗ trợ cho sức khỏe.

Thách thức

- Thị trường thực phẩm và đồ uống Việt Nam ngày càng hấp dẫn đối với các doanh nghiệp ngoại với hàng loạt các thương vụ chuyển giao, mua bán-sáp nhập giữa doanh nghiệp ngoại và các đơn vị trong nước. Khi các doanh nghiệp nước ngoài tích cực có mặt tại thị trường Việt Nam sẽ mở ra nhiều cơ hội hợp tác đầu tư sản xuất tại các khu công nghiệp, tạo công ăn việc làm cho người lao động, chuyển giao công nghệ, đưa sản phẩm trở nên đa dạng hóa và tiện ích. Tuy nhiên, đây cũng là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp nội khi sức cạnh tranh của các doanh nghiệp này còn yếu, đòi hỏi phải có sự nỗ lực trong việc đổi mới, thích nghi để hòa vào “sân chơi” thương mại chung. Theo đó, cùng với việc đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng xu hướng thị hiếu tiêu dùng, điều quan trọng hơn với các doanh nghiệp thực phẩm, đồ uống là phải gia tăng chất lượng sản phẩm ngay từ các khâu trong chuỗi sản xuất.

- Đối với thị trường xuất khẩu, trước xu thế quốc tế hóa và hội nhập các nền kinh tế, Công ty hiện đang gặp phải những thách thức lớn về khả năng cạnh tranh trong sản xuất và xuất khẩu nông sản mà thị trường Việt Nam chưa có nhiều lợi thế, được thể hiện qua: chất lượng, mẫu mã, quy cách và tính đa dạng của sản phẩm. Việc biến động giá nguyên liệu xuất khẩu ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận từ xuất khẩu của Công ty.

Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam được hình thành trên tâm huyết của một gia đình tại một địa phương truyền thống của những loại dược liệu hiếm quý, bên cạnh đó với sự năng động và sức trẻ của công ty, cùng hoài bão to lớn của ban lãnh đạo đã đề ra và đặt mục tiêu là tiền đề cho vị thế của công ty hiện nay. Dù là một doanh nghiệp trẻ nhưng Công ty đã ghi nhận được những dấu hiệu tích cực từ hoạt động kinh doanh cũng như được nhiều đối tác tin tưởng. Công ty đang ngày một phát triển và khẳng định vị thế trên thị trường qua việc mở rộng thị phần.

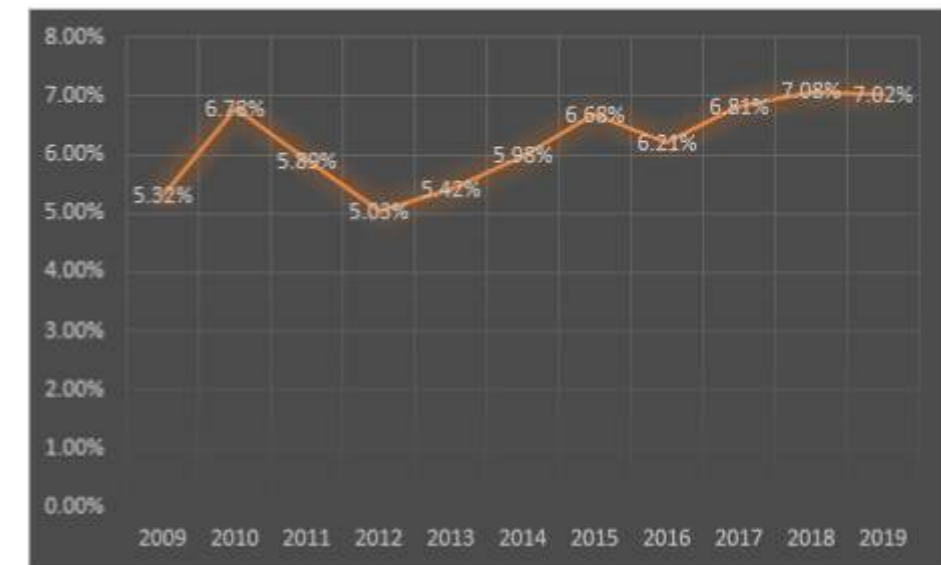
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

VINAHERBFOODS có định hướng sản xuất chuyên nghiệp các sản phẩm có nguồn gốc thảo dược tự nhiên quý có những chức năng là nâng cao và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Đây chính là xu hướng toàn cầu mà nhu cầu thị trường cũng đang dịch chuyển mạnh mẽ từ tiêu dùng các sản phẩm thông thường sang các sản phẩm thảo dược sạch tự nhiên có lợi cho sức khỏe. Công ty cũng đang triển khai xây dựng nhà máy sản xuất thực phẩm có lợi cho sức khỏe, nguyên liệu ngành dược và mỹ phẩm. Vì vậy mà định hướng của công ty rất được ưu tiên, hỗ trợ từ chính sách Việt Nam.

Theo chiến lược của ban lãnh đạo, trong năm 2020, Công ty tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm dựa trên ưu thế về sự am hiểu thị trường FMCG và chủ động trong nguồn nguyên liệu nhằm đón đầu xu hướng sống xanh và khai thác tối đa tiềm năng tăng trưởng của ngành.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế



Tăng trưởng GDP trong vòng 10 năm (2009-2019)

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của nền kinh tế thế giới tiếp tục được dự báo sẽ có sự giảm sút. Bên cạnh đó, Việt Nam dễ bị ảnh hưởng bởi các tác động bên ngoài trong bối cảnh các căng thẳng thương mại và chính trị trên thế giới đang có dấu hiệu leo thang.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự đoán sẽ tăng tốc trong năm tới cũng như giới chuyên gia kinh tế cho rằng, về mặt lý thuyết, những thỏa thuận cuối năm 2019 có thể là “cú hích” tạo đà tăng trưởng. Nhưng triển vọng này vô cùng bất ổn bởi tính chất “khó lường” trong cuộc cạnh tranh thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới và khó tránh khỏi những diễn biến địa-chính trị phức tạp hay sự bất ổn về chính sách.

Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế thế giới trong năm 2019 công bố hồi tháng 10/2019, IMF đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2019 và năm 2020 lần lượt xuống còn 3% và 3,4%. Triển vọng kinh tế toàn cầu được dự đoán sẽ đi theo xu

hướng không chắc chắn do các vấn đề kinh tế và chính trị. Ngay cả khi tăng trưởng kinh tế được khôi phục vào năm 2020, những rạn nứt hiện nay có thể kéo theo chuỗi cung ứng bị gián đoạn, các khu vực thương mại trì trệ.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối ổn định với những dấu hiệu tích cực. Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu đề ra từ 6,6%-6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011.

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45% vào mức tăng chung. Như vậy, Việt Nam vẫn là một điểm sáng trong khu vực với nền kinh tế được kỳ vọng sẽ tiếp tục đà tăng trưởng trong giai đoạn tới. Đây là yếu tố thuận lợi tạo lợi thế tăng trưởng cho ngành nói chung và Công ty nói riêng.

Rủi ro đặc thù

Đối với mặt hàng nông lâm sản, dược liệu xuất khẩu: Đối với hàng hóa là nông lâm sản, dược liệu, đặc thù các nguyên liệu này dễ bị hao hụt tự nhiên trong quá trình lưu kho. Việc để tồn kho lâu mang lại rủi ro tỷ lệ hao hụt tự nhiên lớn, dẫn đến hàng có thể bị kém chất lượng.

Đối với mặt hàng nước uống đóng chai từ thảo dược: Nước uống đóng chai từ thảo dược thiên nhiên là một loại hàng hoá đặc biệt liên quan đến sức khoẻ và sự an toàn của con người. Chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành là khá cao so với các ngành công nghiệp khác trên thế giới, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp. Công ty luôn cố gắng nắm bắt xu hướng phát triển bền vững cũng như thị hiếu và nhu cầu của khách hàng để đưa ra các chiến lược, hoạt động kinh doanh phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng các kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý để hạn chế rủi ro về hàng tồn kho.

Rủi ro pháp luật

Ngành thực phẩm đồ uống là một trong những ngành chịu nhiều tác động bởi sự quản lý của Nhà nước. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp lý để quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn chất lượng. Chỉ có các doanh nghiệp đáp ứng được những tiêu chuẩn mới có thể tồn tại kinh doanh và phát triển. Những quy định này sẽ khiến các công ty thực phẩm nhỏ lẻ tại Việt Nam sáp nhập hoặc mua lại, thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao, tập trung phát triển theo chiều sâu để có thể cạnh tranh với các công ty đa quốc gia. Bên cạnh đó, là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ Luật và các Văn bản. Luật và các Văn bản dưới luật này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Rủi ro hàng giả, hàng nhái: Hiện nay, hiện tượng hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực dược phẩm, thực phẩm đang trở thành một thực tế đáng lo ngại đối với các doanh nghiệp dược có hoạt động sản xuất kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh trên thị trường. Mặc dù Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp bảo vệ nhãn hiệu hàng hóa sản xuất trong nước nhưng hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu xuất hiện ngày càng phổ biến và tinh vi trên thị trường. Vấn đề hàng nhái, hàng giả, hàng nhập lậu gây thiệt hại rất lớn tới lợi ích và uy tín của các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp trong ngành dược vì các sản phẩm dược phẩm nhái giả và nhập lậu kém chất lượng đe dọa trực tiếp tới sức khỏe và tính mạng của người sử dụng.

Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho tài sản và các sản phẩm hàng hóa, lắp đặt các hệ thống báo cháy, tập huấn nhân viên phòng cháy, chữa cháy và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá do sự biến động của tỷ giá hối đoái theo chính sách điều hành kinh tế đối với các khoản vay hoặc các giao dịch nếu có phát sinh bằng ngoại tệ. Công ty có nguồn thu ngoại tệ thông qua hoạt động xuất khẩu nguyên liệu ngành dược nhờ đó, rủi ro tỷ giá đối với hoạt động của Công ty cũng được giảm thiểu đáng kể.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

- * Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- * Cơ cấu và chính sách nhân sự
- * Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án lớn
- * Tình hình tài chính
- * Cơ cấu cổ đông, thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	%2019/2018
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.383	90.663	208.006	143.576	69,02%
Giá vốn hàng bán	5.555	76.090	187.369	111.552	59,54%
Lợi nhuận gộp	828	14.573	20.637	32.024	155,18%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	36	10.007	7.253	10.724	147,86%
Lợi nhuận từ hoạt động khác	0	19	-168	572	340,48%
Lợi nhuận trước thuế	36	10.026	7.085	11.296	159,44%
Lợi nhuận sau thuế	29	8.021	5.658	9.035	159,69%

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đã đề ra năm 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
Doanh thu thuần	Triệu đồng	250.000	143.576	57,43%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	15.000	11.296	75,31%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12.000	9.035	75,29%
Cổ tức	%	12%	12%	100%

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau:

Kết thúc năm 2019, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty đạt 143.576 triệu đồng, tương đương 57,43% so với kế hoạch đã đề ra. Đồng thời, Công ty đã chi trả được mức cổ tức 12% đã đề ra ban đầu. Doanh thu thuần năm 2019 giảm 30,98% so với cùng kỳ năm trước do: doanh thu từ hoạt động xuất khẩu – vốn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty giảm từ 203.906 triệu đồng xuống còn 122.709 triệu đồng, tương đương với 39,82%. Nguyên nhân chính dẫn đến việc suy giảm doanh thu là thị trường xuất khẩu nông sản nhiều biến động nên Công ty tạm dừng ký kết hợp đồng xuất khẩu với một số đối tác. Khi thị trường năm 2020 đi vào ổn định, Công ty sẽ xúc tiến mảng xuất khẩu hoạt động lại.

Mặc dù chỉ tiêu doanh thu thuần giảm nhưng các chỉ tiêu khác, bao gồm: lợi nhuận gộp, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty lại tăng so với năm 2018. Trong năm nay, Công ty đạt 11.296 triệu đồng lợi nhuận trước thuế và 9.035 triệu đồng lợi nhuận sau thuế, đều tăng xấp xỉ 59% so với năm 2018. Đồng thời, hai chỉ tiêu này lần lượt đạt 75,31% và 75,29% kế hoạch đã đề ra theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019. Nguyên nhân là do cắt giảm giá vốn hàng bán và lợi nhuận tăng đến từ mảng xuất khẩu dược liệu cùng kinh doanh nước thảo dược. Bên cạnh đó, với những nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo nên Công ty đã hoàn thành tương đối chỉ tiêu kế hoạch đặt ra năm 2019 với việc ghi nhận sự tăng trưởng của các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế.

CƠ CẤU VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

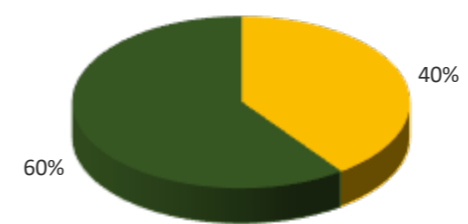
Thay đổi nhân sự

- Ông Nguyễn Đình Công được bổ nhiệm làm thành viên độc lập HĐQT ngày 25/03/2019
- Ông Nguyễn Tài Đức được bổ nhiệm làm thành viên độc lập HĐQT ngày 25/03/2019
- Ông Lê Hữu Lợi từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 04/12/2019.

Cơ cấu nguồn nhân lực

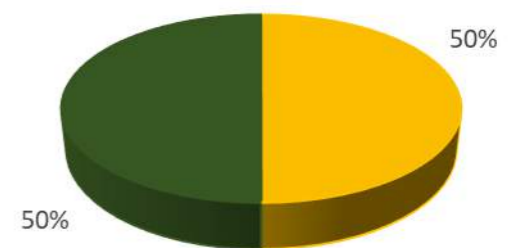
Tiêu chí	Số lượng 2018 (người)	Tỷ trọng 2018 (%)	Số lượng 2019 (người)	Tỷ trọng 2019 (%)
Theo trình độ lao động				
Trình độ Đại học và trên Đại học	20	40%	16	40%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	-	-	-	-
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	-	-	-	-
Lao động phổ thông	30	60%	24	60%
Theo giới tính				
Nam	35	70%	20	50%
Nữ	15	30%	20	50%
Tổng	50	100%	40	100%

Cơ cấu lao động theo trình độ



■ Trình độ Đại học và trên Đại học
■ Lao động phổ thông

Cơ cấu lao động theo giới tính



■ Nam
■ Nữ

Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng/tháng

Năm	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Thu nhập bình quân của người lao động	5.000.000	5.861.469	6.000.000

Chính sách nhân sự

Chính sách đào tạo

Đối với người lao động mới và chưa thành thạo sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Chính sách lương thưởng

- Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành quy chế trả lương, trả thưởng rất linh hoạt theo hình thức chấm điểm hay dựa trên các yếu tố: hiệu quả công việc và gắn liền với trách nhiệm của các cá nhân. Nguyên tắc này khắc phục được tình trạng phân phối bình quân, giúp đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công việc, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích được người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tạo đà nâng cao hiệu suất làm việc.

- Ngoài chế độ khen thưởng bằng tiền, Công ty còn khen thưởng dưới hình thức tham quan du lịch trong và ngoài nước, để vừa động viên người lao động, vừa tạo ra sự gắn bó của người lao động với Công ty.

Chính sách phúc lợi khác

Công ty tổ chức tặng quà cho CBCNV vào những dịp lễ, Tết vào ngày Quốc tế Phụ nữ Việt Nam,... Hàng năm, trao tặng xuất học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ các gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn, xây nhà tình nghĩa, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lụt,...

Một số hình ảnh của Công ty



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Tên dự án	Xây dựng dự án dây chuyền SX lon
2	Tên nhà đầu tư	Công ty CP Dược liệu và Thực phẩm VN
3	Hình thức đầu tư	Vốn Công ty: 32,7% Vốn vay: 67,3%
4	Mục tiêu đầu tư	Gia tăng mức tăng trưởng của Công ty trong những năm tiếp theo
5	Quy mô dự án	Xây dựng Dây chuyền sản xuất lon với công suất 16.000 lon/1 giờ
6	Địa điểm thực hiện dự án	Nhà xưởng tại xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội
7	Tổng mức đầu tư dự án	29.720.000.000 VNĐ
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	08/2020

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.006	143.575	-64.431	-30,98%
Giá vốn hàng bán	187.369	111.552	-75.817	-40,46%
Lợi nhuận gộp	20.637	32.024	11.387	+55,18%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.253	10.724	3.471	+47,86%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.085	11.296	4.211	+59,43%
Lợi nhuận kế toán sau thuế	5.658	9.035	3.377	+59,69%
Cân đối kế toán				
Tổng tài sản	157.832	173.971	16.139	+10,23%
Nợ phải trả	56.125	63.229	7.104	+12,66%
Vốn chủ sở hữu	101.707	110.742	9.035	+8,88%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019)

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 173.971 triệu đồng, tăng tuyệt đối 16.139 triệu đồng, tương ứng tăng 10,23% so với năm 2018. Và vốn chủ sở hữu của Công ty cuối năm 2019 cũng tăng 8,88%, tương đương 9.035 triệu đồng so với đầu năm. Cụ thể, nguồn vốn chủ sở hữu tăng do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cuối năm đạt 22.742 triệu đồng, tăng 65,92% so với đầu năm, bao gồm: 13.707 triệu đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước và 9.035 triệu đồng chưa phân phối kỳ này.

Đối với tình hình nợ phải trả, tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 63.229 triệu đồng, tăng 7.764 triệu đồng, tương ứng tăng 12,66% so với năm 2018. Bên cạnh đó, tình hình nợ phải thu khách hàng là 4.353 triệu đồng, giảm đáng kể so với mức 19.750 triệu đồng đầu năm.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019	%2019/2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	7,53	1,66	1,80	108,43%
Hệ số thanh toán nhanh	lần	3,66	0,49	0,20	40,81%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	15,01	35,56	36,34	102,19%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	17,66	55,18	57,09	103,46%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,21	3,57	1,43	40,06%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	1,30	1,54	0,83	53,90%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần (ROS)	%	8,85	2,72	6,29	231,25%
Hệ số LNST/ Vốn CSH (ROE)	%	13,82	5,72	8,16	142,66%
Hệ số LNST/ Tổng TS (ROA)	%	11,52	4,18	5,19	124,16%
Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	11,04	3,49	7,47	214,04%

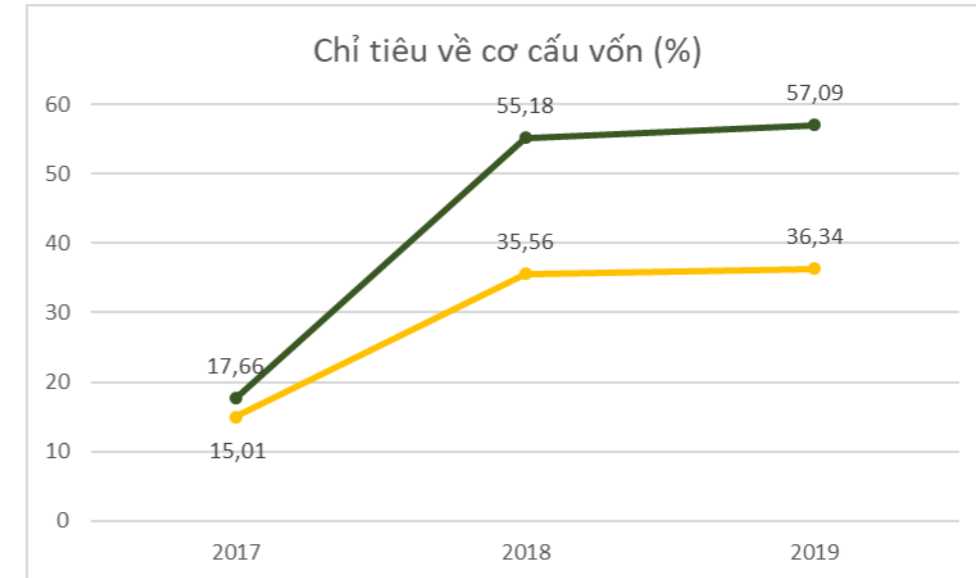
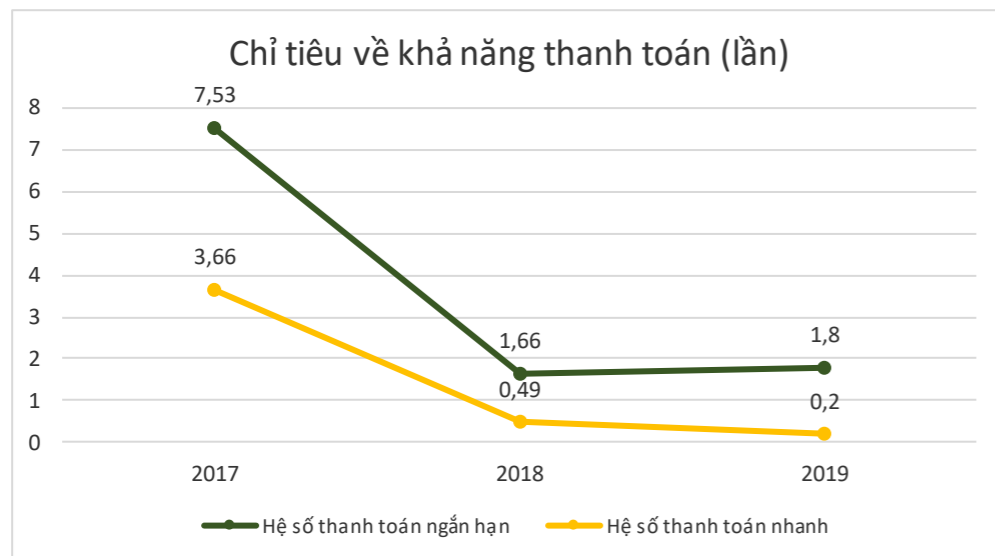
Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty năm 2019 tăng nhẹ với mức tăng 0,14 lần so với năm ngoái, đạt 1,80 lần. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn bằng các tài sản có khả năng chuyển hóa thành tiền trong vòng 12 tháng tới. Tuy nhiên, hệ số thanh toán nhanh của Công ty lại giảm 0,29 lần từ 0,49 xuống 0,20 lần cuối năm 2019. Nguyên nhân chính là do nợ ngắn hạn tăng 8.304 đồng so với đầu năm khi Công ty đang mở rộng kinh doanh, tăng vay nợ ngắn hạn để bổ sung các nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh của Công ty giảm do phụ thuộc vào hàng tồn kho tương đối cao, tính thanh khoản của tài sản ngắn hạn thấp. Hàng tồn kho của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 đạt 95.757 triệu đồng, tăng 58,23% so với mức đầu năm là 60.516 triệu đồng.

Cơ cấu vốn

Hai hệ số thể hiện chỉ tiêu về cơ cấu vốn là Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tăng nhẹ trong năm 2019, lần lượt đạt 36,34% và 57,09% do nợ phải trả của Công ty tăng, chủ yếu là các khoản vay nợ ngắn hạn. Trong năm vừa rồi, Công ty tiếp tục tăng các khoản vay ngắn hạn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty đạt 51.004 triệu đồng, tăng 9.112 triệu đồng so với năm ngoái. Năm 2019, mặt bằng lãi suất về cơ bản vẫn được duy trì ở mức thấp và ổn định nên sẽ điều kiện thuận lợi cho Công ty tiếp cận nguồn vốn này để bổ sung nguồn vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh.



Năng lực hoạt động

Hai chỉ tiêu thể hiện năng lực hoạt động của Công ty đều có xu hướng giảm đáng kể. Vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm 2,14 vòng, đạt 1,43 vòng năm 2019 chứng tỏ lượng hàng dự trữ trong kho đủ nhiều để đáp ứng nhu cầu thị trường, đảm bảo rằng nguyên vật liệu đầu vào cho các khâu sản xuất luôn ổn định. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng tài sản năm nay của Công ty chưa tốt, thể hiện qua sự giảm sút về chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản đạt 0,83 vòng, giảm tương ứng 46,1% so với chỉ số năm ngoái.

Khả năng sinh lời

Điều đáng ghi nhận trong năm nay là các chỉ số thể hiện khả năng sinh lời của Công ty đều tăng khá mạnh. Trong năm 2019, chỉ số ROS của Công ty tăng 131,25%, đạt 6,29% do lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng và doanh thu thuần của Công ty giảm; chỉ số ROE của Công ty tăng 42,66%, đạt 8,16% là minh chứng cho hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp tăng. Các chỉ số ROA và Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần cũng tăng với mức tăng lần lượt là 24,16% và 114,04% so với năm 2018.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tính đến hết ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đã phát hành 8.800.000 cổ phiếu. Trong đó:

Số cổ phần phổ thông	8.800.000 cổ phiếu
Số cổ phần ưu đãi	0 cổ phiếu
Số cổ phần đang lưu hành	8.800.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Người thực hiện GD	Mối quan hệ với người nội bộ	SL CP sở hữu đầu kỳ		SL CP sở hữu cuối kỳ		Lý do thay đổi
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
Ông Lê Hữu Lợi	Bố đẻ Bà Lê Thị Mai	300.000	3,41	300.000	3,41	Không được giá bán



Cơ cấu cổ đông của Công ty

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 31/03/2019:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (mệnh giá)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông trong nước	8.800.000	88.000.000.000	100%	261
	Cổ đông cá nhân	8.800.000	88.000.000.000	100%	
	Cổ nhân tổ chức	-	-	-	
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	
Tổng		8.800.000	88.000.000.000	100%	261

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Bùi Tiến Vinh	111379932	14/06/2007	1.500.000	17,05%
2	Lê Thị Mai	42183000330	27/07/2016	1.000.000	11,36%
3	Nguyễn Thị Mùi	110310209	27/09/2013	1.680.000	19,09%

Lịch sử tăng vốn điều lệ

Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)	Nội dung tăng vốn
2017	88.000.000.000	Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 88 tỷ đồng.

Trong năm 2019, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ và không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- * Tổng quan về môi trường kinh doanh 2019
- * Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- * Tình hình tài chính năm 2019
- * Kế hoạch phát triển trong tương lai

TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2019, kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng chậm, tuy nhiên kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng mạnh mẽ và là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng GDP đạt trên 7% kể từ năm 2011. Lạm phát tiếp tục được duy trì ở mức thấp, nằm trong ngưỡng kế hoạch đề ra. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2019 tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2019, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,5% so với năm trước. Đây là những dấu hiệu cho thấy nền kinh tế trong nước năm 2019 tương đối ổn định.

Thị trường thực phẩm và đồ uống Việt Nam ngày càng hấp dẫn đối với các doanh nghiệp ngoại với hàng loạt các thương vụ chuyển giao, mua bán, sáp nhập giữa DN ngoại và các đơn vị trong nước. Tuy nhiên, khi các doanh nghiệp nước ngoài tích cực có mặt tại thị trường Việt Nam sẽ mở ra nhiều cơ hội hợp tác đầu tư sản xuất tại các khu công nghiệp, tạo công ăn việc làm cho người lao động, chuyển giao công nghệ, đưa sản phẩm trở nên đa dạng hóa và tiện ích.

Đồng thời, đây cũng là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp nội khi sức cạnh tranh của các doanh nghiệp này còn yếu, đòi hỏi phải có sự nỗ lực trong việc đổi mới, thích nghi để hòa vào “sân chơi” thương mại chung. Theo đó, cùng với việc đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng xu hướng thị hiếu tiêu dùng, điều quan trọng hơn với các doanh nghiệp thực phẩm, đồ uống là phải gia tăng chất lượng sản phẩm ngay từ các khâu trong chuỗi sản xuất.

Về thị trường xuất khẩu, theo Thống kê của Tổng cục Hải quan: Trong năm 2019, trao đổi thương mại hàng hóa của Việt Nam với châu Mỹ đạt 96,35 tỷ USD, tăng 23% so với năm 2018, liên tục là châu lục đạt mức tăng trưởng cao nhất. Xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với châu Á tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất (65,4%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Trị giá xuất nhập khẩu trong năm 2019 với thị trường này đạt 338,35 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2018, trong đó trị giá xuất khẩu là 135,45 tỷ USD, tăng 2,9% và trị giá nhập khẩu là 202,9 tỷ USD, tăng 6,6%. Trong đó, xuất khẩu nhóm hàng nông sản trong năm 2019 đạt 16,91 tỷ USD, giảm 4,9% so với năm trước (tương ứng giảm 876 triệu USD). Thị trường xuất khẩu nhiều biến động đã ảnh hưởng đến lĩnh vực xuất khẩu nông lâm sản, dược liệu của Công ty.

Năm 2020 được dự báo sẽ là một năm đầy khó khăn và thử thách với Công ty khi phải đối mặt với rất nhiều bất ổn của nền kinh tế toàn cầu, sự lây lan của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 vào quý I-II đầu năm. Công ty cần chủ động và chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cùng với tinh thần quyết liệt, trách nhiệm cao để ứng phó với những thách thức trong năm 2020. Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam sẽ tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực xuất khẩu nông lâm sản dược liệu và thị trường nước uống thảo dược.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2018	TH 2019	KH 2019	% Đạt kế hoạch	% 2019/2018
Doanh thu thuần	Triệu đồng	208.006	143.576	250.000	57,43%	69,02%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.085	11.296	15.000	75,31%	159,44%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.658	9.035	12.000	75,29%	159,69%
Mức cổ tức	%	10%	12%	12%	100%	120%

Bởi thị trường xuất khẩu gặp nhiều biến động nên mức doanh thu thuần của Công ty giảm 30,98% so với năm 2018 và tương đương 57,43% so với kế hoạch. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế của Công ty lại tăng 59,44% hơn năm 2018 và hoàn thành tương đối kế hoạch đề ra với mức hoàn thành là 75,29%. Sự biến động của thị trường xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu hồ tiêu đã ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty. Khi thị trường năm 2020 đi vào ổn định, Công ty sẽ xúc tiến mảng xuất khẩu hoạt động lại. Lợi nhuận gộp năm 2019 có mức tăng trưởng tốt, đạt 32.034 triệu đồng, tăng 55,18% so với năm 2018.

Trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO, lợi nhuận sau thuế năm 2019 của cổ đông là 9,0 tỷ đồng. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2019 là 2,2 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2019 là: 1.027 đồng, tăng 59,72% so với mức 643 đồng năm 2018.

Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận theo dòng sản phẩm

STT	Chỉ tiêu	Doanh thu thuần			Lợi nhuận gộp		
		TH 2018	TH 2019	%2019/2018	TH 2018	TH 2019	%2019/2018
1	Nông lâm sản dược liệu	203.906	122.709	60,18%	19.183	22.940	119,59%
2	Nước dược liệu	4.100	20.866	508,93%	1.454	9.083	624,69%

Trong năm 2019, doanh thu từ hoạt động xuất khẩu nông lâm sản dược liệu của Công ty vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu khi đạt 122.709 triệu đồng, chiếm 85,46% tổng doanh thu. Tuy nhiên mảng bán hàng nước dược liệu cũng ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ, nắm bắt xu thế thị trường và hứa hẹn mang lại nhiều lợi nhuận hơn nữa trong tương lai. Mức lợi nhuận gộp của lĩnh vực bán hàng nước thảo dược của Công ty trong năm nay đạt 9.083 triệu đồng, chiếm 28,36% cơ cấu lợi nhuận gộp. Cụ thể, cơ cấu doanh thu trong năm 2019 đối với từng dòng sản phẩm như sau:

Doanh thu bán hàng nông lâm sản dược liệu

Doanh thu bán hàng nông lâm sản dư	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm 2019/2018
Doanh thu thuần	Triệu đồng	203.906	122.709	-39,82%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	184.723	99.769	-45,99%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	19.183	22.940	+19,59%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	9,41%	18,69%	+98,62%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019)

Từ những ngày mới thành lập, nông lâm sản dược liệu là lĩnh vực nổi bật của Công ty. Sau 2 năm tìm kiếm thị trường và khách hàng tiềm năng, Công ty đã ký kết được những hợp đồng xuất khẩu với giá trị cao. Tuy nhiên, thị trường xuất khẩu hồ tiêu năm 2019 đã gặp phải nhiều khó khăn khi giá tiêu giảm do nguồn cung tăng trên toàn cầu. Công ty quyết định tạm ngừng ký hợp đồng với một số đối tác, dẫn đến doanh thu hồ tiêu nói riêng cũng như doanh thu xuất khẩu nông lâm sản sụt giảm. Doanh thu thuần của hoạt động xuất khẩu năm 2019 giảm 39,82% so với năm 2018, tương đương với 81.197 triệu đồng.

Tuy nhiên, lợi nhuận gộp từ hoạt động xuất khẩu nông sản lại tăng từ 19.183 triệu đồng lên 22.940 triệu đồng, do giá vốn hàng bán đã giảm 45,99% và sự nỗ lực không ngừng của Công ty trong việc chủ động nghiên cứu thị trường cũng như xúc tiến chủ động tự trồng nguồn nguyên liệu. Nhờ đó, tỷ suất lợi nhuận gộp từ hoạt động trên doanh thu thuần tăng từ 9,41% năm 2018 lên 18,69% năm 2019. Khi những dấu hiệu bất ổn của thị trường xuất khẩu năm 2020 dần ổn định, Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam sẽ tiếp tục xúc tiến mảng xuất khẩu nông lâm sản dược liệu hoạt động trở lại.

Doanh thu bán hàng nước dược liệu

Doanh thu bán hàng nước dược liệu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm 2019/2018
Doanh thu thuần	Triệu đồng	4.100	20.866	+408,93%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	2.646	11.783	+345,31%
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	1.454	9.083	+524,69%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	35,46%	43,53%	+28,40%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019)

Nước thảo dược là sản phẩm mới được Công ty đưa ra thị trường trong quý IV năm 2018 nhưng đã ghi nhận được sự tăng trưởng mạnh mẽ của doanh thu và lợi nhuận trong năm 2019. Kết thúc năm 2019, doanh thu thuần bán hàng nước dược liệu đạt 20.866 triệu đồng; lợi nhuận gộp đạt 9.083 triệu đồng và tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần có biên lợi nhuận ở mức cao là 43,53%, vượt cả mức 35% của năm 2018. Mạng bán hàng nước dược liệu vẫn tiếp tục hứa hẹn sẽ đem lại mức lợi nhuận tích cực cho Công ty trong thời gian tới. Công ty đã và đang tiếp tục đẩy mạnh các mặt hàng nước uống thảo dược thuần thiên nhiên, đem lại doanh thu và lợi nhuận ổn định.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019

Tình hình tài sản

TÀI SẢN	Năm 2018	Năm 2019	Chênh lệch	
			Số tiền	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	85.781	107.513	21.732	25,33%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.739	1.871	132	7,59%
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	21.762	8.990	(12.772)	-58,69%
III. Hàng tồn kho	60.516	95.757	35.241	58,23%
IV. Tài sản ngắn hạn khác	1.763	894	(869)	-49,29%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	72.050	66.458	(5.592)	-7,76%
I. Các khoản phải thu dài hạn	37	27	(10)	-27,03%
II. Tài sản cố định	69.959	65.379	(4.580)	-6,55%
III. Tài sản dở dang dài hạn	343	-	(343)	-100%
IV. Tài sản dài hạn khác	1.710	1.051	(659)	-38,54%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	157.832	173.971	16.139	10,23%

Tổng tài sản của Công ty năm 2019 đạt 173.971 triệu đồng, tăng 10,23% so với năm ngoái. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng mạnh với mức tăng 25,33%, đạt 107.513 triệu đồng năm 2019.

Cụ thể, tiền và các khoản tương đương tiền tăng 7,59%, đạt 1.871 triệu đồng do tiền gửi ngân hàng của Công ty tăng. Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 46,63%, đạt 11,614 tỷ đồng năm 2019. Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách giảm 58,69%, đạt 8.990 triệu đồng do các khoản phải thu từ hoạt động bán nông lâm sản nguyên liệu và bán nước thảo dược đều giảm. Bên cạnh đó, bởi nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa trong kho của Công ty tăng dẫn đến hàng tồn kho của Công ty năm 2019 tăng mạnh, đạt 95.757 triệu đồng, tương đương 158,23% so với năm 2019. Công ty cũng đã áp dụng các quy định bảo quản hàng tồn kho theo quy trình chặt chẽ, nghiêm ngặt đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, kỹ thuật từng loại hàng hóa. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên đánh giá tuổi thọ, đặc điểm lý hóa của từng loại hàng tồn kho để có cách bảo quản phù hợp làm giảm tỷ lệ hư hỏng của hàng tồn kho.

Tài sản dài hạn của Công ty giảm 7,76%, đạt 66.458 triệu đồng năm 2019. Trong đó, các khoản phải thu dài hạn giảm 27,03% đạt 27 triệu đồng; tài sản cố định hữu hình giảm 6,55%, đạt 65.379 triệu đồng năm 2019 do giá trị hao mòn lũy kế của máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng của Công ty đều tăng.

Tình hình nguồn vốn

NGUỒN VỐN	Năm 2018	Năm 2019	Chênh lệch	
			Số tiền	%
C - NỢ PHẢI TRẢ	56.125	63.229	7.104	12,66%
I. Nợ ngắn hạn	51.525	59.829	8.304	16,12%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	1.304	2.140	836	64,11%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.588	3.454	(3.134)	-47,57%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.301	2.456	1.155	88,78%
4. Phải trả người lao động	-	668	668	100%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	409	89	(320)	-78,24%
6. Phải trả ngắn hạn khác	30.528	16.222	(14.306)	-46,86%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	41.892	51.004	9.112	21,75%
II. Nợ dài hạn	4.600	3.400	(1.200)	-26,09%
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	101.707	110.741	9.034	8,88%
I. Vốn chủ sở hữu	101.707	110.741	9.034	8,88%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	88.000	88.000	-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.707	22.742	9.035	65,92%
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	8.049	13.707	5.658	70,29%
- LNST chưa phân phối kỳ này	5.657	9.035	3.378	59,71%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	157.832	173.971	16.139	10,23%

Tổng nguồn vốn của Công ty tăng 10,23% so với năm 2018, đạt 173.971 triệu đồng năm 2019. Trong đó, tình hình nợ phải trả tăng 12,66%, đạt 63.229 triệu đồng năm 2019. Cụ thể: nợ ngắn hạn của Công ty đạt 59.829, tăng 8.304 triệu đồng so với năm; thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 88,78%, đạt 3.454 triệu đồng năm 2019 do thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân đều tăng. Còn vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 21,75%, đạt 51.004 triệu đồng do sự tăng lên của các khoản vay ngắn hạn của Công ty với ngân hàng Eximbank, ngân hàng OCB và ngân hàng BIDV phục vụ sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 8,88%, đạt 110.741 triệu đồng năm 2019. Trong đó lợi nhuận chưa phân phối kỳ này tăng 59,71%, đạt 9.035 triệu đồng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Phát triển mạnh mẽ các sản phẩm nước uống thảo dược đang đưa ra thị trường của công ty:

Tập trung phát triển đội ngũ bán hàng, ký kết đưa vào các nhà thuốc, siêu thị tại Hà Nội và Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh hoạt động, đem lại doanh thu khi đưa vào các siêu thị lớn như Vinmart, Citimart, Aeon, Metro, Circle K,... Đồng thời tiếp tục phát triển tại các tỉnh như: Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Nha Trang,...

Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực:



Đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lao động là cán bộ quản lý và công nhân trực tiếp sản xuất là nhiệm vụ rất quan trọng của mọi doanh nghiệp. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý của doanh nghiệp cũng cần được cập nhật kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các khóa tập huấn.



Tập trung công tác tuyển dụng và đào tạo tập huấn, đào tạo tại chỗ, thuê giảng viên uy tín kết hợp với kỹ sư trong doanh nghiệp giảng dạy. Như vậy sẽ gắn với hoạt động sản xuất – kinh doanh tại doanh nghiệp. Những vấn đề mới phức tạp sẽ kết hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện nghiên cứu khoa học kết hợp với chuyển giao công nghệ, đào tạo ngay trong quá trình tổ chức triển khai. Phối hợp với các tổ chức đào tạo mở những khóa bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng quản lý, kỹ thuật tiếp thị, ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ. Hình thức đào tạo phải xác định cho phù hợp từ các lớp theo những chuyên đề, những lớp bồi dưỡng, các đợt tập huấn.



Thường xuyên tập huấn cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất nội quy của doanh nghiệp, quy định về an toàn lao động, kiến thức cơ bản về chất lượng sản phẩm, quy trình quy phạm sản xuất thông qua hình thức đào tạo tại chỗ, kèm cặp trong quá trình sản xuất, các điển hình tiên tiến... hoặc tại các trường công nhân kỹ thuật.



Xây dựng cơ chế cho phép thuê các chuyên gia kỹ thuật, các chuyên gia thiết kế bên ngoài nhằm giải quyết các khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thiết hụt nhân lực có trình độ cao, am hiểu kỹ thuật, công nghệ, thị trường, thị hiếu của thị trường nước ngoài hoặc điều hành các dự án mới.



Xây dựng quy chế cụ thể về phân phối tiền lương, thưởng, phúc lợi (nghỉ mát, nghỉ bệnh, khám sức khỏe,..) bảo hiểm (xã hội, y tế) nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Đây là giải pháp tạo động lực rất lớn để động viên người lao động làm việc hăng say, nhiệt tình trong công việc.

Điều chỉnh cơ cấu vốn kinh doanh của doanh nghiệp:

Điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư của mỗi doanh nghiệp theo hướng tăng dần tỷ trọng vốn chủ sở hữu và giảm dần tỷ trọng nợ phải trả trong tổng vốn kinh doanh. Có như vậy mới cân đối cơ cấu vốn kinh doanh của các doanh nghiệp và hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro xảy ra trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Phân tích nhu cầu vốn ngắn hạn và dài hạn, nguồn vốn ngắn hạn và dài hạn, mức độ rủi ro kinh doanh và mục tiêu an toàn đặt ra cho doanh nghiệp, trên cơ sở đó xác định cơ cấu vốn tối ưu. Điều chỉnh giảm tỷ trọng nợ phải trả đồng thời tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng vốn kinh doanh thông qua thanh lý những tài sản không còn sử dụng, tăng tỷ lệ chiết khấu tài chính để kích thích khách hàng thanh toán sớm.

Đẩy mạnh đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ:

Đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm là công việc thường xuyên của mỗi DN. Phát triển công nghệ kỹ thuật cao, hiện đại là yêu cầu cấp bách trong bối cảnh hội nhập ngày nay. Doanh nghiệp cần đầu tư các loại máy móc thiết bị, công nghệ mới với giá cả phù hợp với khả năng tài chính của DN để sản xuất – kinh doanh đạt lợi nhuận cao. Đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại với giá cả phù hợp với tiềm lực tài chính của doanh nghiệp (thời gian khấu hao ngắn, chi phí duy tu, bảo dưỡng thấp) để nhanh chóng đi vào sản xuất ổn định đạt hiệu quả cao.

Nâng cao chất lượng công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị cũng như các tài sản cố định khác nhằm tăng tuổi thọ, độ tin cậy của máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng hoạt động, hạn chế đến mức thấp nhất những gián đoạn trong quá trình sản xuất làm giảm chất lượng sản phẩm.

Tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin:

Ngày nay, công nghệ thông tin giữ vai trò rất quan trọng trong phát triển của mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, các doanh nghiệp cần tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh xây dựng phần cứng (kỹ thuật), các doanh nghiệp cần quan tâm đến hoàn thiện phần mềm (nội dung) của trang Web nhằm đảm bảo thông tin trên mạng được đầy đủ, kịp thời và chính xác. Đồng thời, các doanh nghiệp cần nâng cao hiệu quả sử dụng mạng Internet phục vụ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh thông qua việc thường xuyên tìm hiểu nhu cầu của thị trường, khách hàng trên mạng để kịp thời đề ra những chính sách thích hợp.

Chủ động thiết lập mạng thương mại điện tử để giải quyết có hiệu quả những vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất – kinh doanh. Mặt khác, các doanh nghiệp áp dụng mạnh mẽ mạng lưới Internet thông qua việc cập nhật thường xuyên những thông tin liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, công tác nghiên cứu thị trường, tiếp thị sản phẩm, quy định của nước nhập khẩu hàng hóa của từng doanh nghiệp.

Tổ chức tốt hệ thống thông tin nội bộ doanh nghiệp, xây dựng các ngân hàng dữ liệu phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh. Công việc này đòi hỏi sự thiết kế tổng thể bao gồm từ các biểu mẫu báo cáo, cách thức lưu trữ, truy cập và xử lý thông tin đến các phương tiện lưu giữ và truyền tải thông tin.

Phát triển hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm:

Phát triển hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm bao gồm hoàn thiện hệ thống đo lường sản phẩm. Phát triển các phương pháp, phương tiện và hệ thống kiểm tra nhanh cách chỉ tiêu về vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm ngay từ khâu nguyên liệu thu hoạch, vận chuyển, sơ chế, tinh chế bảo quản thành phẩm về dịch vụ cung cấp đến người tiêu dùng. Phát triển hệ thống bao bì và đóng gói nhỏ hợp lý cho các chủng loại sản phẩm chế biến.

Thường xuyên tham gia các hoạt động kiểm tra và tập huấn về chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tôn trọng và cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm và hỗ trợ cho các chương trình, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Xây dựng các chỉ tiêu chất lượng cho từng loại sản phẩm của doanh nghiệp.

Thành lập bộ phận chuyên trách nghiên cứu và phát triển sản phẩm nhằm đưa ra chiến lược sản phẩm hợp lý cho doanh nghiệp với các mẫu mã được đa dạng hóa và chủ động tạo ra các mặt hàng mới phù hợp với nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước.

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- * Đánh giá chung về tình hình kinh tế, ngành 2019
- * Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh 2019
- * Đánh giá chung về hoạt động của Công ty
- * Phương hướng năm 2020



ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, NGÀNH NĂM 2019

Tuy thị trường xuất khẩu nói chung và xuất khẩu nông lâm sản nói riêng gặp phải nhiều biến động do ảnh hưởng từ sự bất ổn của nền kinh tế thế giới, nhưng nền kinh tế Việt Nam năm 2019 tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp. Năm 2019 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam đạt và vượt toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu Quốc hội giao, tạo cơ sở vững chắc, tạo đà và động lực mới, khí thế mới cho việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020 và giai đoạn 5 năm 2016 - 2020. Tốc độ tăng trưởng GDP 7.02% đã vượt mục tiêu tăng trưởng năm 2019. Động lực chính của tăng trưởng kinh tế năm nay tiếp tục là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và các ngành dịch vụ thị trường.

Theo Vietnam Report, ngành thực phẩm và đồ uống nhiều năm nay luôn là một trong những ngành kinh tế quan trọng và còn nhiều tiềm năng phát triển của Việt Nam. Xét về giá trị sản xuất, đây là ngành có giá trị sản xuất lớn nhất và có tổng doanh thu lớn thứ hai trong số các ngành hàng kinh tế Việt Nam.

Ngành được dự báo sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh đến năm 2020 với mức tăng trung bình 10,9%/năm nhờ thu nhập người dân cải thiện và xu hướng tiêu dùng sản phẩm giá trị cao hơn sẽ chiếm lĩnh thị hiếu tiêu dùng. Nhu cầu tiêu dùng thực phẩm sạch và đồ uống có lợi cho sức khỏe sẽ có những bước chuyển tích cực trong tất cả các phân khúc đi kèm với sự dịch chuyển lên nhóm hàng thực phẩm có giá trị cao trong tương lai, hứa hẹn cơ hội tăng trưởng mạnh cho các công ty thực phẩm sạch và thức uống có lợi cho sức khỏe.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị công ty đã tích cực, chủ động đưa nhiều giải pháp hữu hiệu, đồng bộ và tăng cường chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vượt qua những khó khăn thách thức, để hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

Chỉ tiêu	Thực hiện		KH 2019	% So sánh	
	2018	2019		So với KH	So với 2018
Doanh thu thuần	208.006	143.576	250.000	57,43%	69,02%
Lợi nhuận trước thuế	7.085	11.296	15.000	75,31%	159,44%
Lợi nhuận sau thuế	5.658	9.035	12.000	75,29%	159,69%

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Năm 2019 được nhận định là năm đánh dấu sự dịch chuyển mạnh mẽ trong xu hướng tiêu dùng của người Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Khách hàng ngày càng chi tiêu có chiến lược và lựa chọn những thực phẩm tốt cho sức khỏe. Bất đúng xu hướng này, năm 2019 là một năm thuận lợi đối với ngành thực phẩm, thức uống. Mặc dù doanh thu thuần đã bị ảnh hưởng do ngừng ký kết hợp đồng với một số đối tác mảng hoạt động xuất khẩu nhưng lợi nhuận của công ty vẫn ghi nhận những chuyển biến tích cực đến từ xuất khẩu dược liệu và kinh doanh mặt hàng nước thảo dược. Doanh thu thuần của Công ty năm 2019 tuy bị giảm 30,98% so với năm 2018 nhưng lợi nhuận trước và sau thuế lại tăng trưởng mạnh mẽ ở so với năm 2018 ở mức xấp xỉ 159%.

Nếu như năm 2018 được coi là bước tiến của Công ty sang lĩnh vực nước uống thảo dược đóng chai thì năm 2019, Công ty Vinaherbfoods tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong ngành thực phẩm, thức uống. Sang năm 2020, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng danh mục sản phẩm dựa trên ưu thế về sự am hiểu thị trường FMCG và chủ động trong nguồn nguyên liệu nhằm đón đầu xu hướng sống xanh và khai thác tối đa tiềm năng tăng trưởng của ngành. Công ty cũng không ngừng triển khai các giải pháp đã đề ra để đối phó với những biến động của thị trường và nâng cao công tác quản trị Công ty, khẳng định sự cố gắng, đồng lòng và quyết tâm cao của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Theo đúng quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp 2014, trong năm nay, Hội đồng quản trị tiếp tục hoạt động và duy trì các cuộc họp đều đặn, bám sát tình hình thực tế của Công ty để triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Cùng với Ban lãnh đạo, Hội đồng quản trị đã đưa ra và triển khai nhiều giải pháp phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ.

Những mặt làm được của Công ty trong năm:

Toàn thể cán bộ công nhân viên và Ban điều hành đã rất nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu KD của Công ty. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh đã đạt được các kết quả khá ấn tượng, hoàn thành tương đối kế hoạch đề ra đối với lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế.

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự cố gắng của Ban điều hành trong việc đề đạt và thực hiện định hướng chiến lược của Công ty. Trong năm 2019, sản phẩm nước uống thảo dược đã đạt được những thành tích tích cực, hứa hẹn sẽ tiếp tục là một mảng kinh doanh tiềm năng của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, Ban điều hành Công ty đã tuân thủ đúng theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Những mặt cần khắc phục của Công ty trong năm:

Một số nguyên nhân dẫn đến việc sụt giảm doanh thu thuần và khả năng thanh toán của Công ty. Công ty cần lưu ý đến việc tiết kiệm chi phí, giảm bớt gánh nặng hàng tồn kho, và tăng cường khả năng thanh khoản, đảm bảo không bị nợ xấu. Hội đồng quản trị cùng với Ban giám đốc sẽ nghiêm túc kiểm điểm và có các biện pháp khắc phục trong những năm tới.

PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2020

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020
Doanh thu thuần	Triệu đồng	143.576	8.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.296	500
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.035	400
Cổ tức	%	12%	0%

Phương thức thực hiện



Công ty tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu nông lâm sản, dược liệu, nước uống thảo dược sang các thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, các nước khu vực Đông Nam Á và châu Âu. Lĩnh vực kinh doanh thức uống thảo dược sẽ tiếp tục được Công ty đầu tư mạnh mẽ, hướng tới các sản phẩm thuần thảo dược, đáp ứng chất lượng so với nhu cầu về thực phẩm sạch, có lợi cho sức khỏe của khách hàng.



Về công tác quản trị, Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam mở rộng tuyển dụng các nhân sự chủ chốt để thúc đẩy việc mở rộng thị trường nước uống thảo dược đóng chai và nghiên cứu thị trường một cách kĩ càng cho hoạt động xuất khẩu. Mục tiêu của Công ty không chỉ đưa sản phẩm nước uống thảo dược tới tay người tiêu dùng Việt nam mà còn vươn ra thế giới.



05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

- * Hoạt động của Hội đồng quản trị
- * Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát
- * Giao dịch, thù lao của HĐQT, BGD và BKS
- * Về việc thực hiện các hoạt động quản trị Công ty

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Bùi Tiến Vinh	CT HĐQT	1.500.000	17,05%
2	Bà Lê Thị Mai	TV HĐQT	1.000.000	11,36%
3	Ông Phạm Công Thành	TV HĐQT	250.000	2,84%
4	Ông Nguyễn Thế Hùng	TV HĐQT	250.000	2,84%
5	Ông Lê Hữu Lợi	TV HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 04/12/2019)	300.000	3,41%
6	Ông Nguyễn Tài Đức	TV HĐQT	-	0%
7	Ông Nguyễn Đình Công	TV HĐQT	3.000	0,034%

Các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

STT	Họ và tên	Chức danh	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Bùi Tiến Vinh	CT HĐQT	3/3	100%
2	Bà Lê Thị Mai	TV HĐQT	3/3	100%
3	Ông Phạm Công Thành	TV HĐQT	3/3	100%
4	Ông Nguyễn Thế Hùng	TV HĐQT	3/3	100%
5	Ông Lê Hữu Lợi	TV HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 04/12/2019)	3/3	100%
6	Ông Nguyễn Tài Đức	TV HĐQT	3/3	100%
7	Ông Nguyễn Đình Công	TV HĐQT	3/3	100%

(Nguồn: Báo cáo tình hình quản trị năm 2019)

Năm 2019, Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. Hội đồng quản trị đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của công ty để đề ra và triển khai các Nghị quyết. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 03 phiên để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của công ty.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam ("Vinaherbfoods"), Quy chế Quản trị Vinaherbfoods, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, cụ thể:



Tổ chức giám sát thực hiện sản xuất kinh doanh của Vinaherbfoods;

Giám sát thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành;



Chuẩn bị nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định;



Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 vào ngày 06 tháng 04 năm 2019;

Giám sát hoạt động quản lý của BGD nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.



Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2019

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT	08/01/2019	NQ về việc chấp thuận vay vốn tại ngân hàng OCB

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức danh	SL CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Phạm Thị Xuân Thu	Trưởng BKS	-	0,00%
2	Bà Trần Thị Lệ Hằng	Thành viên BKS	1.500	0,017%
3	Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên BKS	1.000	0,0110%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông. Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty Vinaherb- foods, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, quy chế quản trị công ty, BKS đã thực hiện được những công việc sau:

- i** Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi điều lệ, ban hành quy chế quản trị,...
- ii** Giám sát đưa ra ý kiến về việc thực hiện các mục tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm đạt được kế hoạch về doanh thu.
- iii** Thẩm tra Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc giữ mối quan hệ thường xuyên với Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT. Trong quá trình làm việc, Trưởng ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ hồ sơ, các thông tin theo yêu cầu có liên quan đến chương trình làm việc. Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Trưởng ban kiểm soát thường xuyên tham vấn cùng Ban Tổng Giám đốc để kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019: Lương và Phụ cấp BGD: 320.647.000 đồng.

VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

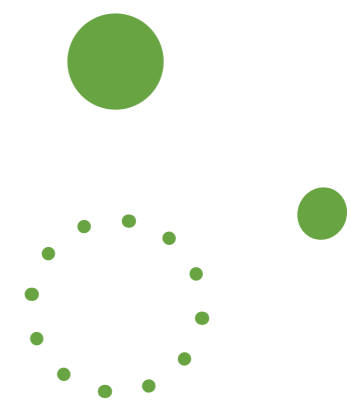
Kể từ khi tham gia thị trường chứng khoán cho đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời vào quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Không chỉ cố gắng nâng cao hiệu quả quản lý mà Công ty còn thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý những sự cố, ứng phó với những biến động của thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2019, Công ty tiếp tục tuân thủ tốt các quy định hiện hành về quản trị công ty đối với công ty niêm yết. Bao gồm:

Công bố thông tin:

Năm 2019, Công ty thực hiện tương đối tốt các quy định về công bố thông tin, đảm bảo công bố đầy đủ, chính xác, kịp thời tới UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội cũng như trên website Công ty. Cũng như trong năm nay, Công ty hướng tới nâng cao chất lượng các báo cáo về cả mặt nội dung cũng như hình thức.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

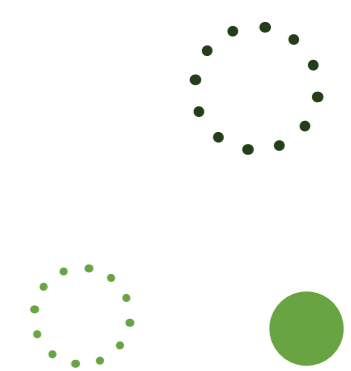
Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.



06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- * Các chính sách liên quan đến bảo vệ môi trường
- * Các chính sách liên quan đến người lao động



CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường đang là một xu thế giúp cho các doanh nghiệp duy trì phát triển bền vững. Nắm bắt được xu thế đó, những năm qua, Công ty luôn chú trọng và đề cao công tác bảo vệ môi trường.

Công ty không những tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động mà còn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường như tuyên truyền các hoạt động bảo vệ môi trường cho người lao động; nghiên cứu các sản phẩm thay thế giúp bảo vệ môi trường, ...

Song song với các hoạt động bảo vệ môi trường trong công ty, Công ty còn rất chú trọng đến việc bảo vệ môi trường tại khu vực thi công. Bên cạnh đó, Công ty còn quan tâm đến việc đào tạo và tổ chức các hoạt động về vấn đề bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức cho CBCNV như yêu cầu mọi CBCNV vệ sinh vị trí làm việc của mình trước khi bắt đầu và kết thúc ca làm việc; trồng thêm cây xanh xung quanh Công ty...

CÁC CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đào tạo

Đối với người lao động mới và chưa thành thạo sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo nghề. Đối với cán bộ công nhân viên, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lao động là cán bộ quản lý và công nhân trực tiếp sản xuất là nhiệm vụ rất quan trọng của mọi doanh nghiệp. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý của doanh nghiệp cũng cần được cập nhật kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các khóa tập huấn.

Thường xuyên tập huấn cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất nội quy của doanh nghiệp, quy định về an toàn lao động, kiến thức cơ bản về chất lượng sản phẩm, quy trình quy phạm sản xuất thông qua hình thức đào tạo tại chỗ, kèm cặp trong quá trình sản xuất, các điển hình tiên tiến,... hoặc tại các trường công nhân kỹ thuật. Xây dựng cơ chế cho phép thuê các chuyên gia kỹ thuật, các chuyên gia thiết kế bên ngoài nhằm giải quyết các khó khăn trong việc thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, am hiểu kỹ thuật, công nghệ, thị trường, thị hiếu của thị trường nước ngoài hoặc trong điều hành các dự án mới.

Chính sách lương thưởng

Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, trả thưởng rất linh hoạt theo hình thức chấm điểm hay dựa trên các yếu tố: Hiệu quả công việc và gắn liền với trách nhiệm của các cá nhân. Nguyên tắc này khắc phục được tình trạng phân phối bình quân, giúp đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công việc trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích được người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tạo đà nâng cao hiệu suất làm việc.

Ngoài chế độ khen thưởng bằng tiền, Công ty còn khen thưởng dưới hình thức tham quan du lịch trong và ngoài nước, để vừa động viên người lao động, vừa tạo ra sự gắn bó của người lao động với Công ty.

Chính sách phúc lợi khác

Công ty tổ chức tặng quà cho cán bộ công nhân viên vào những dịp Lễ, Tết, Ngày phụ nữ Việt Nam, Ngày Quốc tế Phụ nữ,... Hàng năm, Công ty cũng trao tặng các suất học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ các gia đình công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, xây nhà tình nghĩa, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng do thiên tai, bão lụt,..



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN 2019

- * Báo cáo của Ban Giám đốc
- * Báo cáo kiểm toán độc lập
- * Bảng Cân đối kế toán
- * Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh
- * Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- * Thuyết minh Báo cáo tài chính
- * Phụ lục

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU
VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 227 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107409148 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25 tháng 04 năm 2016. Công ty sau đó nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 2 được cấp ngày 23 tháng 04 năm 2018.

Hoạt động kinh doanh chính: Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu và sản xuất thực phẩm có lợi cho sức khỏe.

Công ty có trụ sở tại số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|------------------------|------------|
| - Ông Bùi Tiến Vinh | Chủ tịch |
| - Bà Lê Thị Mai | Thành viên |
| - Ông Phạm Công Thành | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Thế Hùng | Thành viên |
| - Ông Lê Hữu Lợi | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Tài Đức | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Đình Công | Thành viên |

Miễn nhiệm ngày 04/12/2019

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| - Ông Bùi Tiến Vinh | Tổng Giám đốc |
| - Bà Lê Thị Mai | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Phạm Công Thành | Giám đốc tài chính |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Tiến Vinh - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| - Bà Phạm Thị Xuân Thu | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Bà Trần Lệ Hằng | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Vân Anh | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 227 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (dưới đây được gọi là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2020 từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Tuấn Anh - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 1906-2018-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2581-2018-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.513.323.755	85.781.508.950
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.871.199.491	1.739.560.297
1. Tiền	111		1.871.199.491	1.739.560.297
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.990.565.506	21.762.271.159
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.353.308.704	19.750.233.284
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.606.256.802	2.000.645.875
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		31.000.000	11.392.000
III. Hàng tồn kho	140		95.757.271.410	60.516.140.066
1. Hàng tồn kho	141	V.4	95.757.271.410	60.516.140.066
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		894.287.348	1.763.537.428
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	322.836.424	296.560.128
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		571.450.924	1.466.977.300
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.457.976.202	72.050.410.295
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.546.000	37.546.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		27.546.000	37.546.000
II. Tài sản cố định	220		65.379.378.551	69.959.057.290
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	48.368.515.268	53.161.885.246
<i>Nguyên giá</i>	222		55.473.493.654	55.079.393.472
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.104.978.386)	(1.917.508.226)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	17.010.863.283	16.797.172.044
<i>Nguyên giá</i>	228		17.055.346.648	16.800.346.648
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(44.483.365)	(3.174.604)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	-	343.282.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	343.282.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.051.051.651	1.710.525.005
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	1.051.051.651	1.710.525.005
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		173.971.299.957	157.831.919.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		63.229.356.588	56.125.043.798
I. Nợ ngắn hạn	310		59.829.356.588	51.525.043.798
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	2.140.892.563	1.304.167.472
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	3.454.458.730	6.587.805.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.456.111.248	1.301.503.105
4. Phải trả người lao động	314		668.555.485	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	89.402.390	408.749.333
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	16.221.663	30.527.874
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	51.003.714.509	41.892.290.184
II. Nợ dài hạn	330		3.400.000.000	4.600.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	3.400.000.000	4.600.000.000
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.741.943.369	101.706.875.447
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	110.741.943.369	101.706.875.447
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.741.943.369	13.706.875.447
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.706.875.447	8.049.357.057
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.035.067.922	5.657.518.390
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		173.971.299.957	157.831.919.245

Lập ngày 23 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Bích Nhung



Phạm Công Thành



Bùi Tiên Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	143.575.500.784	208.006.106.103
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		143.575.500.784	208.006.106.103
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	111.551.917.036	187.368.730.719
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.023.583.748	20.637.375.384
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	93.751.344	239.843.663
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.357.821.241	2.437.968.503
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.341.018.391</i>	<i>2.293.437.014</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	13.474.656.851	8.465.493.623
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.561.154.053	2.720.683.461
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.723.702.947	7.253.073.460
11. Thu nhập khác	31	VI.7	789.539.736	5.210.401
12. Chi phí khác	32	VI.8	217.383.224	173.632.313
13. Lợi nhuận khác	40		572.156.512	(168.421.912)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.295.859.459	7.084.651.548
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	2.260.791.537	1.427.133.158
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9.035.067.922</u>	<u>5.657.518.390</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>1.027</u>	<u>643</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	<u>1.027</u>	<u>643</u>

Lập ngày 23 tháng 03 năm 2020

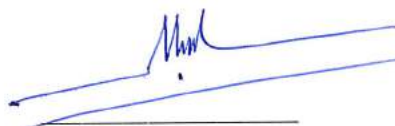
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Bích Nhung



Phạm Công Thành



Bùi Tiến Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

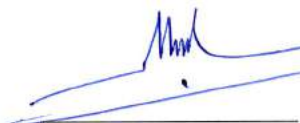
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.295.859.459	7.084.651.548
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.228.778.921	1.840.392.024
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(64.678.338)	(5.883.241)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(671.170)	(562.263)
- Chi phí lãi vay	06		4.341.018.391	2.293.437.014
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.800.307.263	11.212.035.082
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.732.689.817	(20.891.281.215)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35.241.131.344)	(16.173.405.111)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.694.689.105)	803.215.132
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		633.197.058	(1.959.746.493)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.329.365.334)	(2.215.687.681)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.377.060.124)	(2.246.657.217)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.476.051.769)	(31.471.527.503)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(305.818.182)	(7.105.367.739)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		671.170	562.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(305.147.012)	(7.104.805.476)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		117.901.250.227	68.533.515.019
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(109.989.825.902)	(29.635.910.790)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.911.424.325	38.897.604.229
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		130.225.544	321.271.250
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.739.560.297	1.427.650.213
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.413.650	(9.361.166)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.871.199.491	1.739.560.297

Người lập biểu



Vũ Thị Bích Nhung

Kế toán trưởng



Phạm Công Thành

Lập ngày 23 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Tiến Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107409148 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25 tháng 04 năm 2016. Công ty sau đó nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 2 được cấp ngày 23 tháng 04 năm 2018.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất thực phẩm có lợi cho sức khỏe;
- Xuất khẩu, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm, bao gồm:

- Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu.
- Sản xuất thực phẩm có lợi cho sức khỏe.

Đặc điểm sản phẩm cung cấp của doanh nghiệp: Công ty thu mua các nguyên liệu như quế, hồi, thảo quả và sơ chế trước khi xuất khẩu cho các đối tác nước ngoài; Sản xuất và phân phối nước uống thảo dược đóng chai.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, trong năm không có sự kiện hay hoạt động nào gây ảnh hưởng đáng kể tới Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội. Công ty không có đơn vị hạch toán phụ thuộc, không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 36 người (tại ngày 31/12/2018 là 50 người).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch

- Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Doanh thu, Các khoản phải thu, Nhận trước tiền của người mua, Vay ngoại tệ.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là 23.130 VND/USD, là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tại thời điểm 31/12/2019. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là 23.220 VND/USD, là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tại thời điểm 31/12/2019.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng được thực hiện theo nguyên tắc:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về tiền phạt, bồi thường,...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản phải thu thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: Được đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2019 theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (xem thêm *Thuyết minh IV.1*).

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Tại thời điểm 31/12/2019, Ban Giám đốc Công ty đánh giá không có khoản phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02- “Hàng tồn kho”, cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..., nên không cần trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định**a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình****Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)**

TSCĐ HH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá TSCĐ HH đã được đánh giá lại trong trường hợp:

- Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Thực hiện tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi hình thức: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, cổ phần hoá, bán, khoán, cho thuê, chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	22 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Công nghệ sản xuất nước uống thảo dược

Nguyên giá TSCĐ của Công nghệ sản xuất nước uống thảo dược được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để nhận được công nghệ chuyển giao. Công nghệ sản xuất nước uống thảo dược được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất tại Tô Hiến Thành không thời hạn không phải trích khấu hao.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

6. Nguyên tắc kế toán thuế**a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Thời gian phân bổ</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12 - 36 tháng
Chi phí khuôn chai	24 tháng
Chi phí trả trước khác	06 - 36 tháng

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Các khoản vay thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: Được đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2019 theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (xem thêm *Thuyết minh IV.1*).

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**Ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa là đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16- “Chi phí đi vay”.

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Trong năm, Công ty phát sinh các khoản chi phí lãi vay vốn hóa vào giá trị hệ thống dây chuyền sản xuất nước uống thảo mộc đóng chai.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: tiền điện, nước, điện thoại...

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- *Phải trả chi phí làm thang máy:* Căn cứ hợp đồng mua bán, lắp đặt ký kết với nhà cung cấp.
- *Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau:* Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), lỗ chênh lệch tỷ giá của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ như: chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; tiền thuê môn bài; chi phí bằng tiền khác.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trong năm.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (xem Thuyết minh IV.6)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	122.695.554	1.729.947.604
Tiền gửi ngân hàng	1.748.503.937	9.612.693
Cộng	1.871.199.491	1.739.560.297
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	1.871.199.491	1.739.560.297

2. Phải thu khách hàng

2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
M/S SONICA AGRI FOODS	918.520.056	3.542.952.505
Công ty Cổ phần SENSPICES VIỆT NAM	-	10.546.140.000
S&S FAR EAST (S) PTE.LTD	-	2.263.709.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Mai Khang	1.317.724.225	2.777.724.225
Công ty TNHH TM và sản xuất Tuấn Minh	-	601.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công nghệ Tiến Đức	505.000.000	-
M/S PAK AFGHAN IMPEX	407.088.000	-
M/S DHANALAKSHMI ENTERPRISES	703.631.716	-
Các khách hàng còn lại	501.344.707	18.707.554
Cộng	4.353.308.704	19.750.233.284

3. Trả trước cho người bán

3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Tập đoàn Minh Cường	746.543.110	-
Vũ Đình Khiêm	2.374.722.200	-
Công ty CP Lộc Thiên	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Quảng cáo AHA	-	172.700.000
Công ty TNHH Thang máy Minh Long	-	331.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Mỹ Lệ	224.152.000	224.152.000
Các nhà cung cấp còn lại	260.839.492	272.793.875
Cộng	4.606.256.802	2.000.645.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**4. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.395.132.146	-	16.350.183.861	-
Công cụ, dụng cụ	141.363.637	-	-	-
Thành phẩm	5.005.956.470	-	2.228.779.871	-
Hàng hóa	73.214.819.157	-	41.937.176.334	-
Cộng	95.757.271.410	-	60.516.140.066	-

5. Chi phí trả trước**5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	62.599.124	184.987.147
Chi phí trả trước khác	260.237.300	111.572.981
Cộng	322.836.424	296.560.128

5.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	631.823.035	902.079.561
Chi phí khuôn chai	189.750.000	474.375.000
Chi phí trả trước khác	229.478.616	334.070.444
Cộng	1.051.051.651	1.710.525.005

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.752.727.600	47.619.048	16.800.346.648
Mua trong năm	-	255.000.000	255.000.000
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	16.752.727.600	302.619.048	17.055.346.648
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	3.174.604	3.174.604
Khấu hao trong năm	-	41.308.761	41.308.761
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	-	44.483.365	44.483.365
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.752.727.600	44.444.444	16.797.172.044
Số cuối năm	16.752.727.600	258.135.683	17.010.863.283

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: 0 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	9.961.607.657	42.002.452.995	2.031.405.455	1.083.927.365	55.079.393.472
- Mua sắm mới	-	-	-	394.100.182	394.100.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	9.961.607.657	42.002.452.995	2.031.405.455	1.478.027.547	55.473.493.654
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	150.933.448	1.401.363.220	288.633.295	76.578.263	1.917.508.226
- Khấu hao trong năm	452.800.344	4.200.245.304	309.308.628	225.115.884	5.187.470.160
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	603.733.792	5.601.608.524	597.941.923	301.694.147	7.104.978.386
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.810.674.209	40.601.089.775	1.742.772.160	1.007.349.102	53.161.885.246
Số cuối năm	9.357.873.865	36.400.844.471	1.433.463.532	1.176.333.400	48.368.515.268

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: 34.326.914.268 VND

8. Tài sản dở dang dài hạn

8.1 Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	-	343.282.000
Cộng	-	343.282.000

9. Phải trả người bán

9.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần in Hồng Hà	11.574.700	11.574.700	338.088.340	338.088.340
Công ty TNHH Công nghệ sản xuất Ecotech Việt Nam	-	-	121.000.000	121.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh và đầu tư toàn cầu 3K Forest	-	-	195.580.000	195.580.000
Công ty TNHH Tiếp vận Quốc tế BP	-	-	303.600.525	303.600.525
Công ty TNHH SAN MIGUEL YAMAMURA Hải Phòng	1.049.334.528	1.049.334.528	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất nắp nút Việt Nam	275.047.964	275.047.964	-	-
Công ty TNHH Hoá Dược phẩm Hồng Thái	216.857.143	216.857.143	79.800.000	79.800.000
Lê Thị Năm	244.930.000	244.930.000	-	-
Các nhà cung cấp còn lại	343.148.228	-	266.098.607	266.098.607
Cộng	2.140.892.563	1.797.744.335	1.304.167.472	1.304.167.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**10. Người mua trả tiền trước****10.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Jetmall spice and masala private limited	216.171.830	216.171.830
M/S-MD. Mominul Hoque	-	789.264.000
Great Aravind Co., Ltd	169.855.000	2.433.564.000
M/S DAS IMPEX	1.833.505.900	793.800.000
M/S. Saleha Rahman	1.234.926.000	1.234.926.000
AGRICOM LANKA PVT LTD	-	1.120.080.000
Cộng	<u>3.454.458.730</u>	<u>6.587.805.830</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**11.1 Thuế phải nộp**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.177.060.124	2.260.791.537	1.377.060.124	2.060.791.537
Thuế thu nhập cá nhân	124.442.981	380.919.711	110.042.981	395.319.711
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.500.000	3.500.000	-
Cộng	<u>1.301.503.105</u>	<u>2.645.711.248</u>	<u>1.491.103.105</u>	<u>2.456.111.248</u>

12. Chi phí phải trả**12.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả chi phí thang máy	-	331.000.000
Phải trả lãi vay	89.402.390	77.749.333
Cộng	<u>89.402.390</u>	<u>408.749.333</u>

13. Phải trả khác**13.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	16.221.663	10.517.874
Bảo hiểm y tế	-	12.006.000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	8.004.000
Cộng	<u>16.221.663</u>	<u>30.527.874</u>

14. Vay và nợ thuê tài chính**14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu (i)	1.646.934.250	1.646.934.250	23.478.499.330	19.693.774.980	5.431.658.600	5.431.658.600
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức (ii)	39.345.355.934	39.345.355.934	82.113.926.450	81.266.819.915	40.192.462.469	40.192.462.469
Ngân hàng TMCP Phương Đông OCB (iii)	-	-	12.308.824.447	8.129.231.007	4.179.593.440	4.179.593.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức (iv)	900.000.000	900.000.000	1.200.000.000	900.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	41.892.290.184	41.892.290.184	119.101.250.227	109.989.825.902	51.003.714.509	51.003.714.509

Chi tiết các khoản vay ngân hàng và các công ty tài chính ngắn hạn

(i): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-190058537 ngày 17/06/2019. Hạn mức cấp tín dụng 5.500.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mặt hàng quế, hồi, nông sản các loại. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng và thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ phát sinh trong kỳ. Thời hạn tối đa của các khoản vay trong hạn mức: không quá 06 tháng. Lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là trị giá quyền sử dụng đất trên thửa đất số 427, đứng tên Ông Bùi Tiến Quốc cùng vợ là Bà Bùi Thị Mùi, trị giá: 1.440.000.000 đồng; khoản tín chấp 4.420.000.000 đồng và hợp đồng thế chấp số 191522 ngày 27/03/2019 tại văn phòng công chứng Việt TP Hà Nội.

(ii): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/10162562/HĐTD ngày 26/08/2019. Hạn mức cấp tín dụng 50.000.000.000 đồng. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, thanh toán, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Thời hạn cho vay quy định trên các hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất vay được quy định trên hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo quy định trong hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/10162562/HĐBĐ ngày 15/05/2019 giữa Ông Bùi Tiến Vinh cùng vợ là Bà Bùi Thị Hồng Dung với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trị giá: 1.440.000.000 đồng.

(iii): Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông OCB - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 0010/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 17/01/2019 với hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa là 10.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, mục đích: "Bổ sung vốn lưu động phục vụ việc sản xuất kinh doanh nước uống thảo dược, tiêu, quế, hồi" và "Chiết khấu hồi phiếu kèm bộ chứng từ xuất khẩu theo phương pháp thư tín dụng (L/C) và Nhờ thu trả ngay (D/P)". Gốc vay cuối kỳ là 2.249.253.840 VND và 86.210 USD. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo bao gồm Quyền sử dụng đất của Ông Bùi Tiến Vinh, Bà Nguyễn Thị Mùi, Bà Bùi Thị Hồng Dung và tiền gửi, bất động sản, phương tiện vận tải của Bên được cấp tín dụng.

14.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức (iv)	4.600.000.000	4.600.000.000	-	1.200.000.000	3.400.000.000	3.400.000.000
Cộng	4.600.000.000	4.600.000.000	-	1.200.000.000	3.400.000.000	3.400.000.000

Chi tiết các khoản vay ngân hàng và các công ty tài chính dài hạn

(iv): Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/10162562 dùng để đầu tư dây chuyền nước thảo mộc đóng chai công suất 4000 sản phẩm/giờ. Thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần theo nguyên tắc lãi tiền gửi tiết kiệm VND cộng biên độ 4%. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2018/10162562/HĐTC ngày 26/06/2018, với tài sản thế chấp là: hệ thống sản xuất nước thảo mộc đóng chai đồng bộ, công suất 4.000 sản phẩm/giờ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu****15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Cộng</i>
Số đầu năm trước	88.000.000.000	8.049.357.057	96.049.357.057
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	5.657.518.390	5.657.518.390
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	88.000.000.000	13.706.875.447	101.706.875.447
Lợi nhuận trong năm	-	9.035.067.922	9.035.067.922
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	22.741.943.369	110.741.943.369

15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ đông sáng lập		
Ông Bùi Tiên Vinh	15.000.000.000	15.000.000.000
Ông Phạm Công Thành	2.500.000.000	2.500.000.000
Ông Nguyễn Thế Hùng	2.500.000.000	2.500.000.000
Các cổ đông lớn		
Bà Nguyễn Thị Mùi	16.800.000.000	25.000.000.000
Bà Lê Thị Mai	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông còn lại	41.200.000.000	33.000.000.000
Cộng	88.000.000.000	88.000.000.000

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	88.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	88.000.000.000	88.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

15.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.800.000	8.800.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	122.709.407.239	203.905.827.437
Doanh thu bán thành phẩm	20.866.093.545	4.100.278.666
Cộng	143.575.500.784	208.006.106.103

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	99.768.509.556	184.722.663.049
Giá vốn của thành phẩm đã bán	11.783.407.480	2.646.067.670,00
Cộng	111.551.917.036	187.368.730.719

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	671.170	562.263
Lãi chênh lệch tỷ giá	93.080.174	239.281.400
Cộng	93.751.344	239.843.663

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.341.018.391	2.293.437.014
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.802.850	144.531.489
Cộng	4.357.821.241	2.437.968.503

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.896.467.083	2.160.627.164
Chi phí vật liệu, bao bì	52.292.875	117.496.475
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	418.726.957	190.239.795
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.280.832	7.166.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.602.298.191	5.918.464.082
Chi phí bằng tiền khác	470.590.913	71.500.000
Cộng	13.474.656.851	8.465.493.623

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.510.726.729	534.604.243
Chi phí vật liệu quản lý	203.157.744	68.000.995
Chi phí đồ dùng văn phòng	371.558.075	323.436.485
Chi phí khấu hao TSCĐ	291.552.753	219.425.431
Thuế, phí và lệ phí	11.123.747	9.039.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	999.684.516	1.516.649.111
Chi phí bằng tiền khác	173.350.489	49.528.105
Cộng	3.561.154.053	2.720.683.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt thu được	789.264.000	-
Các khoản khác	275.736	5.210.401
Cộng	789.539.736	5.210.401

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản bồi thường hợp đồng	209.340.000	122.618.071
Các khoản bị phạt	8.043.224	51.014.242
Cộng	217.383.224	173.632.313

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.187.509.023	2.397.190.664
Chi phí nhân công	10.068.648.941	3.310.764.730
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.418.057.881	742.861.777
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.228.778.921	1.840.392.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.031.503.568	7.639.748.234
Chi phí khác bằng tiền	661.896.649	130.067.196
Cộng	31.596.394.983	16.061.024.625

10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.260.791.537	1.427.060.124
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	73.034
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.260.791.537	1.427.133.158

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	11.295.859.459	7.084.651.548
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	8.098.224	50.649.071
Các khoản điều chỉnh tăng	8.098.224	50.649.071
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	8.098.224	50.649.071
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	11.303.957.683	7.135.300.619
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	11.303.957.683	7.135.300.619
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	2.260.791.537	1.427.060.124

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.035.067.922	5.657.518.390
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	9.035.067.922	5.657.518.390
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.027	643

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ban Giám đốc		
Lương và phụ cấp	320.647.000	79.800.000

2.2. Các cá nhân có liên quan

Danh sách các cá nhân có liên quan với Công ty gồm:

Tên cá nhân	Mối quan hệ
Bà Nguyễn Thị Mùi	Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**2.3 Các bên liên quan khác**

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tuấn Minh	Bà Lê Thị Mai - Thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tuấn Minh

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tuấn Minh		
Mua hàng hóa	-	8.705.160.000
Thu tiền hàng	610.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu		
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tuấn Minh	-	601.000.000
Cộng	-	601.000.000

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Lập ngày 23 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Vũ Thị Bích Nhung

Kế toán trưởng



Phạm Công Thành

Tổng Giám đốc



Bùi Tiến Vinh